

**VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN  
NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN NĂM 2018**

**BÁO CÁO  
HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG NGÀNG LÚA GẠO**

Hà Nội, 2018

<b>A. GIỚI THIỆU CHUNG</b> .....	5
<b>B. HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG</b> .....	7
<b>1. Thị trường Trung Quốc</b> .....	7
<i>1.1. Các thông tin cơ bản</i> .....	7
<i>1.2. Tình hình kinh tế</i> .....	8
<i>1.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam</i> .....	10
<b>2. Thị trường Philippines</b> .....	12
<i>2.1. Các thông tin cơ bản</i> .....	12
<i>2.2. Tình hình kinh tế</i> .....	13
<i>2.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam</i> .....	15
<i>2.4. Tiềm năng thị trường</i> .....	17
<b>3. Thị trường Malaysia</b> .....	17
<i>3.1. Các thông tin cơ bản</i> .....	17
<i>3.2. Tình hình kinh tế</i> .....	18
<i>3.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam</i> .....	20
<i>3.4. Tiềm năng thị trường</i> .....	22
<b>4. Thị trường Ghana</b> .....	22
<i>4.1. Các thông tin cơ bản</i> .....	22
<i>4.2. Tình hình kinh tế</i> .....	23
<i>4.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam</i> .....	24
<b>5. Thị trường Bangladesh</b> .....	25
<i>5.1. Các thông tin cơ bản</i> .....	25
<i>5.2. Tình hình kinh tế</i> .....	26
<i>5.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam</i> .....	28
<i>5.4. Tiềm năng thị trường</i> .....	30
<b>6. Thị trường Bờ Biển Ngà</b> .....	31
<i>6.1. Các thông tin cơ bản</i> .....	31
<i>6.2. Tình hình kinh tế</i> .....	32
<i>6.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam</i> .....	33
<i>6.4. Tiềm năng thị trường</i> .....	34
<b>7. Thị trường Iraq</b> .....	36
<i>7.1. Các thông tin cơ bản</i> .....	36
<i>7.2. Tình hình kinh tế</i> .....	37

7.3. <i>Quan hệ ngoại giao với Việt Nam</i> .....	39
<b>8. Thị trường Singapo</b> .....	39
8.1. <i>Các thông tin cơ bản</i> .....	39
8.2. <i>Tình hình kinh tế</i> .....	40
8.3. <i>Quan hệ ngoại giao với Việt Nam</i> .....	42
8.4. <i>Tiềm năng thị trường</i> .....	45
<b>9. Thị trường Hồng Kông</b> .....	46
9.1. <i>Các thông tin cơ bản</i> .....	46
9.2. <i>Tình hình kinh tế</i> .....	47
9.3. <i>Quan hệ ngoại giao với Việt Nam</i> .....	49
9.4. <i>Tiềm năng thị trường</i> .....	49
<b>10. Thị trường Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE)</b> .....	51
10.1. <i>Các thông tin cơ bản</i> .....	51
10.2. <i>Tình hình kinh tế</i> .....	51
10.3. <i>Quan hệ ngoại giao với Việt Nam</i> .....	53
10.4. <i>Tiềm năng thị trường</i> .....	55

## DANH SÁCH HÌNH

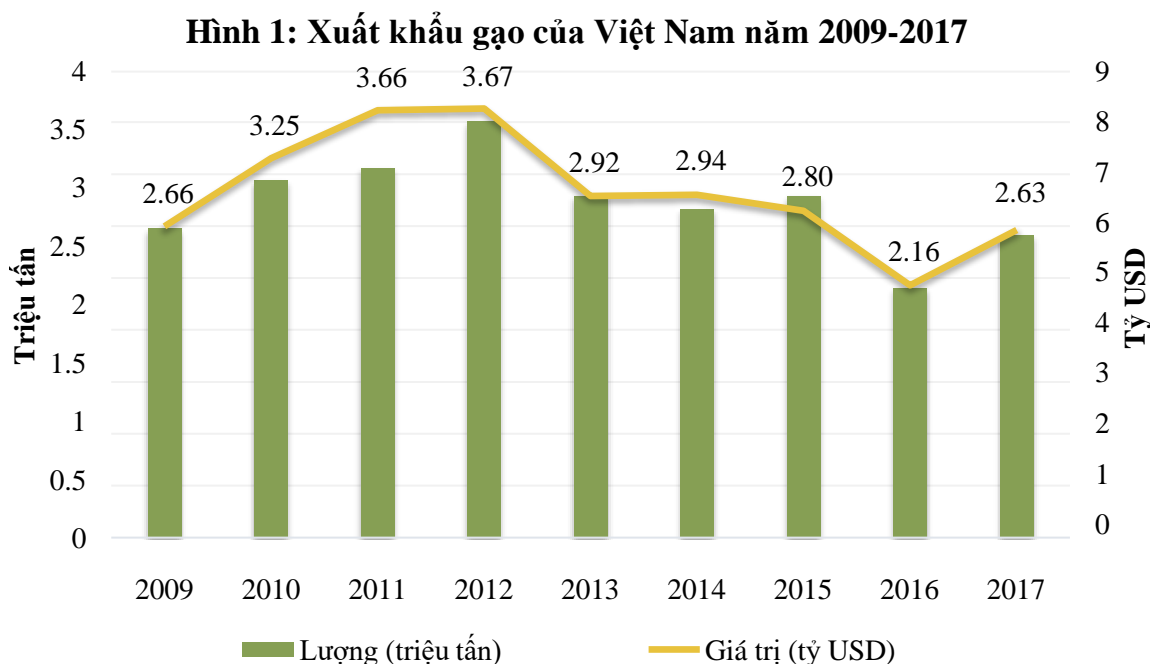
Hình 1: Xuất khẩu gạo của Việt Nam năm 2009-2017.....	5
Hình 2: Thị trường xuất khẩu gạo Việt Nam trong năm 2017.....	6
Hình 3: Cơ cấu GDP theo ngành của Trung Quốc năm 2017.....	9
Hình 4: Phân bố lao động theo ngành của Trung Quốc năm 2017.....	9
Hình 5: Cơ cấu GDP theo ngành của Phillipines năm 2017.....	14
Hình 6: Phân bố lao động theo ngành của Phillipines năm 2017.....	14
Hình 7: Cơ cấu GDP theo ngành của Malaysia năm 2017.....	19
Hình 8: Phân bố lao động theo ngành của Malaysia năm 2017.....	19
Hình 9: Cơ cấu GDP theo ngành của Ghana năm 2017.....	23
Hình 10: Phân bố lao động theo ngành của Ghana năm 2017.....	23
Hình 11: Cơ cấu GDP theo ngành của Bangladesh năm 2017.....	27
Hình 12: Phân bố lao động theo ngành của Bangladesh năm 2017.....	27
Hình 13: Cơ cấu GDP theo ngành của Bờ Biển Ngà năm 2017.....	32
Hình 14: Phân bố lao động theo ngành của Bờ Biển Ngà năm 2017.....	32
Hình 15: Cơ cấu GDP theo ngành của Iraq năm 2017.....	38
Hình 16: Phân bố lao động theo ngành của Iraq năm 2017.....	38
Hình 17: Cơ cấu GDP theo ngành của Singapo năm 2017.....	41
Hình 18: Phân bố lao động theo ngành của Singapo năm 2017.....	41
Hình 19: Cơ cấu GDP theo ngành của Hồng Kông năm 2017.....	48
Hình 20: Phân bố lao động theo ngành của Hồng Kông năm 2017.....	48
Hình 21: Cơ cấu GDP theo ngành của UAE năm 2017.....	52
Hình 22: Phân bố lao động theo ngành của UAE năm 2017.....	52

## DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1: Tổng quan kinh tế Trung Quốc giai đoạn 2015-2017.....	9
Bảng 2: Tổng quan kinh tế Phillipines giai đoạn 2015-2017.....	14
Bảng 3: Tổng quan kinh tế Malaysia giai đoạn 2015-2017.....	19
Bảng 4: Tổng quan kinh tế Ghana giai đoạn 2015-2017.....	24
Bảng 5: Tổng quan kinh tế Bangladesh giai đoạn 2015-2017.....	28
Bảng 6: Tổng quan kinh tế Bờ Biển Ngà giai đoạn 2015-2017.....	33
Bảng 7: Tổng quan kinh tế Iraq giai đoạn 2015-2017.....	38
Bảng 8: Tổng quan kinh tế Singapo giai đoạn 2015-2017.....	41
Bảng 9: Tổng quan kinh tế Hồng Kông giai đoạn 2015-2017.....	48
Bảng 10: Tổng quan kinh tế UAE giai đoạn 2015-2017.....	52

## A. GIỚI THIỆU CHUNG

Sau gần 30 năm đổi mới, Việt Nam từ một nước đói nghèo đã vươn lên trở thành một trong những nhà xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới. Trong giai đoạn 2009-2017, xuất khẩu gạo của Việt Nam tuy gặp phải nhiều thách thức, cạnh tranh trên thị trường thế giới, khiến kim ngạch xuất khẩu có phần biến động. Nhưng vẫn luôn duy trì được vị thế nằm trong nhóm 3 nước xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới, với lượng gạo xuất khẩu hàng năm chiếm khoảng 15% tổng lượng gạo xuất khẩu toàn thế giới.



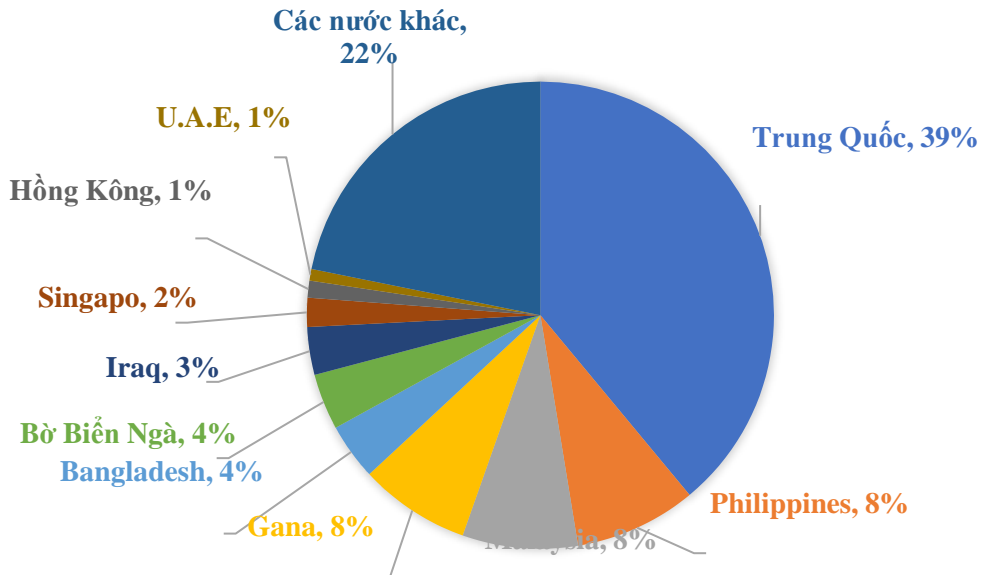
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong giai đoạn 2009-2012, giá trị xuất khẩu gạo của Việt Nam tăng nhanh chóng, đạt bình quân gần 9,5%/năm. Tuy nhiên, năm 2013, do các thị trường nhập khẩu truyền thống của Việt Nam là Philippines, Indonesia, Malaysia, ... đều thay đổi chính sách lúa gạo, hướng đến tự cung tự cấp nên nhu cầu nhập khẩu gạo giảm mạnh. Giai đoạn 2013-2015, xuất khẩu lúa gạo duy trì ổn định ở mức 2,8-2,9 tỷ USD, nhưng đến năm 2016 thì giảm mạnh xuống còn 2,16 tỷ USD. Do trong năm này, Thái Lan xả 11 triệu tấn gạo tồn kho giá rẻ khiến gạo Việt Nam khó cạnh tranh được, nhất là khi phát triển lúa gạo của Việt Nam trong giai đoạn đó chỉ hướng đến số lượng mà chưa quan tâm đến chất lượng. Dù là nước xuất khẩu gạo lớn thứ 3 thế giới nhưng Việt Nam lại không có thương hiệu gạo nổi bật nào trên thị trường, trong khi Thái Lan có đến 5-6 loại thương hiệu xuất khẩu (Hom mali, Jasmine...). Bên cạnh đó, Việt Nam cũng còn thiếu các chiến dịch thương mại để đưa gạo Việt vào chuỗi cung ứng toàn cầu và định vị được thị phần của gạo Việt trên thị

trường thế giới. Bởi những điểm yếu nên gạo Việt Nam năm 2016 rất dễ bị thay thế bởi gạo xả tồn kho, giá rẻ của Thái Lan. Năm 2017, nhờ những thay đổi của chính phủ về định hướng xuất khẩu và sản xuất mà xuất khẩu gạo của Việt Nam đã khởi sắc trở lại. Xuất khẩu Việt Nam trong những năm trở lại đây đã đa dạng hóa hơn về thị trường; sản xuất cũng đã hướng đến nâng cao chất lượng thay vì chỉ tập trung vào số lượng như trước đây. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu vẫn chưa thể phục hồi như trước do Thái Lan vẫn chưa xả hết gạo tồn kho và sự nổi lên của các đối thủ mới như Myanmar, Campuchia và Pakistan.

Năm 2017, gạo Việt Nam đã xuất khẩu sang 150 quốc gia và vùng lãnh thổ. Bên cạnh các thị trường truyền thống như Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Singapo,..., gạo Việt Nam đã từng bước mở rộng thị trường xuất khẩu sang cả các nước Trung Đông, châu Phi, châu Đại Dương,... Tuy nhiên, xuất khẩu gạo của Việt Nam hiện vẫn tập trung chủ yếu ở châu Á với tỷ trọng chiếm tới 60%. Ngoài ra, tỷ trọng xuất khẩu gạo sang châu Phi là 22%, châu Mỹ 8%, châu Âu 5% và khu vực khác 5%. Trong 5 năm trở lại đây, Trung Quốc luôn là thị trường xuất khẩu gạo hàng đầu của Việt Nam. Các thị trường truyền thống như Philippines, Malaysia, Singapo, Hồng Kông cũng luôn nằm trong nhóm 10 thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam.

**Hình 2: Thị trường xuất khẩu gạo Việt Nam trong năm 2017**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

## B. HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG

### 1. Thị trường Trung Quốc

#### 1.1. Các thông tin cơ bản

**Tên chính thức:** Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, **Thủ đô:** Bắc Kinh

**Diện tích:** 9.596.961 km<sup>2</sup>, đứng thứ 3 thế giới sau Nga và Canada

**Dân số:** 1,386 tỷ người (2017). Trung Quốc hiện là quốc gia đông dân nhất thế giới, với 55 dân tộc. Trong đó, dân tộc Hán là chủ yếu (chiếm 94% dân số)

**Ngôn ngữ chính:** tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Quảng Đông

**Tôn giáo:** Đạo giáo, Phật giáo (11-16%), Thiên chúa giáo (3-4%), Hồi giáo (1-2%)

**Đơn vị tiền tệ:** Đồng nhân dân tệ (RMB), 1 USD = 6.92 RMB (tháng 11/2018)

**Múi giờ:** năm tại Đông Á, múi giờ GMT +8 (lệch 1 tiếng so với Việt Nam)

**Biên giới:** có đường biên giới trên bộ với 14 quốc gia: Việt Nam, Lào, Myanmar, Ấn Độ, Bhutan, Nepal, Pakistan, Afghanistan, Tajikistan, Kyrgyzstan, Kazakhstan, Nga, Mông Cổ, Triều Tiên và đường biên giới biển với: Hàn Quốc, Nhật Bản, Philippines.

**Đặc điểm tự nhiên:** là nước có diện tích lớn nên địa hình tự nhiên của Trung Quốc cũng rất đa dạng. Tại phía đông, dọc theo bờ biển Hoàng Hải và biển Hoa Đông, có các đồng bằng phù sa rộng và dân cư đông đúc, trong khi các thảo nguyên rộng lớn chiếm ưu thế ở rìa của cao nguyên nguyên Nội Mông. Đồi và các dãy núi thấp chi phối địa hình tại Hoa Nam, trong khi miền trung-đông có những châu thổ của hai sông lớn nhất Trung Quốc là Hoàng Hà và Trường Giang. Ở phía Bắc có các cảnh quan khô hạn, như sa mạc Gobi và sa mạc Taklamakan. Trung Quốc thuộc khu vực gió mùa, khí hậu đa dạng từ ẩm đến khô. Nhiệt độ trung bình toàn quốc tháng 1 là -4,7°C, tháng 7 là 26°C. Ba khu vực được coi là nóng nhất là Nam Kinh, Vũ Hán, Trùng Khánh.

**Thể chế chính trị:** Theo Hiến pháp Trung Quốc, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là một nước xã hội chủ nghĩa của nền chuyên chính nhân dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy liên minh công nông làm nền tảng. Chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ cơ bản của Trung Quốc. Chuyên chính nhân dân là thể chế của nhà nước.

**Ngày nghỉ, lễ tết:** Tết dương lịch nghỉ 1 ngày, tết âm lịch nghỉ 7 ngày, tết Thanh minh nghỉ 3 ngày, Quốc tế Lao động (1/5) nghỉ 3 ngày, tết Đoan Ngọ nghỉ 3 ngày, tết Trung Thu nghỉ 3 ngày, Quốc Khánh (1/10) nghỉ 7 ngày.

## ***1.2. Tình hình kinh tế***

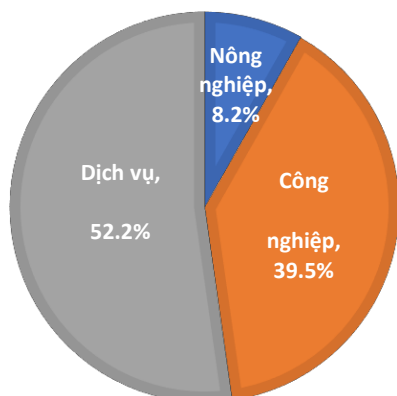
Sau bốn thập kỷ cải cách và đổi mới, Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới với sức mạnh quân sự và ảnh hưởng chính trị không ngừng gia tăng. Theo thống kê của Cục Thống kê Trung Quốc, kinh tế Trung Quốc duy trì tốc độ tăng trưởng trung bình cao, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2017 đạt 82.712 tỷ NDT (tương đương hơn 13.000 tỷ USD), đứng vị trí thứ hai thế giới, vượt xa mục tiêu tăng 6,5% mà Bắc Kinh đề ra, đồng thời cao hơn dự báo của giới phân tích và đóng góp 15% cho GDP của toàn thế giới. Tốc độ tăng trưởng bình quân GDP của Trung Quốc trong giai đoạn 2013-2017 đạt khoảng 7,1%. Thu nhập bình quân đầu người trên GDP đạt 59.660 NDT (khoảng 8.800 USD)

Về kinh tế thương mại, Trung Quốc đã có thay đổi căn bản với ngành sản xuất và dịch vụ vươn lên mạnh mẽ, ngoại thương không ngừng mở rộng, là động lực chính thúc đẩy kinh tế của đất nước. “Trung Quốc – công xưởng của thế giới” đã gắn liền với định vị của Trung Quốc trong suốt nhiều năm trở lại đây. Năm 2017, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc đạt 4.104 tỷ USD, tăng 11,4%, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 2.263 tỷ USD, tăng 7,9%; kim ngạch nhập khẩu đạt 1.840 tỷ USD, tăng 15,9% so với năm 2016. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trong giai đoạn này có xu hướng giảm dần trong khi nhập khẩu đang có xu hướng tăng nhanh. Với nỗ lực không ngừng của Chính phủ Trung Quốc, kinh tế Trung Quốc đang có sự chuyển dịch về cơ cấu theo hướng phát triển về chiều sâu, từng bước chuyển từ tăng trưởng “nóng” sang “hạ cánh mềm”.

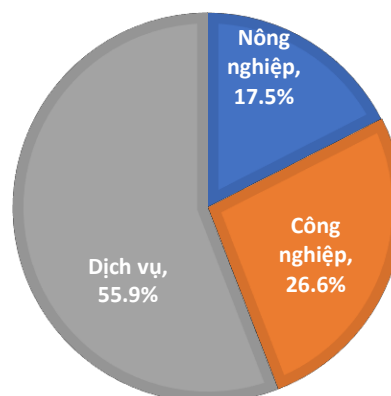
Trung Quốc là quốc gia đông dân nhất trên thế giới và là một trong những nước sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp nhiều nhất. Bên cạnh nền nông nghiệp phát triển, đủ để tự cung tự cấp cho hơn 1 tỷ dân, Trung Quốc còn là nước có nền sản xuất công nghiệp hiện đại đứng thứ 4 thế giới. Hiện nay, Trung Quốc đứng đầu thế giới về 35 loại sản phẩm công nghiệp như: máy thu hình màu, máy giặt, tủ lạnh, điều hoà nhiệt độ, máy tính, máy điện thoại kỹ thuật số, lò vi sóng, VCD, điện thoại di động, xe máy, linh kiện máy tính, tơ lụa, trang phục... với hơn 40 loại sản phẩm có sản lượng chiếm trên 50% tổng sản lượng thế giới. Các toại hàng hoá này đều chiếm ưu thế trên thế giới về số lượng tuyệt đối hay về giá cả. Với diện tích lớn thứ 3 thế giới, Trung Quốc còn có các nguồn tài nguyên với trữ lượng lớn như dầu mỏ, khí đốt, quặng sắt, bô xít, thiếc, thủy điện,... Do có địa hình đa dạng và nền văn hóa lâu đời, Trung Quốc còn là một điểm đến du lịch hấp dẫn trên thế giới, chiếm gần 34% tổng số khách du lịch đến châu Á. Trong thập kỷ tới, Trung Quốc có thể sẽ trở thành nước có ngành du lịch lớn thứ hai thế giới, chỉ sau Mỹ



**Hình 3: Cơ cấu GDP theo ngành của Trung Quốc năm 2017**



**Hình 4: Phân bố lao động theo ngành của Trung Quốc năm 2017**



Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

**Bảng 1: Tổng quan kinh tế Trung Quốc giai đoạn 2015-2017**

	2015	2016	2017
<b>GDP</b>	19,8 nghìn tỷ USD	21,4 nghìn tỷ USD	23,3 nghìn tỷ USD
<b>Tăng trưởng GDP</b>	6,9%	6,7%	6,9%
<b>GDP theo đầu người</b>	14.540 USD	15.530 USD	16.806 USD
<b>Tỷ lệ lạm phát</b>	1,44%	2%	1,59%
<b>Sản phẩm nông nghiệp</b>	Gạo, lúa mì, khoai tây, ngũ cốc, đậu phộng, trà, hạt kê, lúa mạch, táo, bông, sò, thịt lợn, cá.		
<b>Công nghiệp</b>	Khai khoáng, sắt, thép, aluminum và các kim loại khác, than đá; sản xuất máy móc; vũ khí quân sự; than, dệt may, đồ thủ công; dầu mỏ; xi măng; hóa chất; phân bón; sản phẩm tiêu dùng (bao gồm giày dép, đồ chơi, và điện tử...); thực phẩm chế biến; thiết bị vận chuyển (bao gồm ô tô, xe ô tô đường sắt, đầu máy xe lửa, tàu, và máy bay...); thiết bị viễn thông, xe không gian khởi động thương mại, vệ tinh.		
<b>Kim ngạch nhập khẩu</b>	2 nghìn tỷ USD	1,9 nghìn tỷ USD	2,2 nghìn tỷ USD

	2015	2016	2017
<b>Mặt hàng nhập khẩu chính</b>	Điện và các máy móc, dầu và nhiên liệu khoáng sản, thiết bị quang học và y tế, quặng kim loại, nhựa, hoá chất hữu cơ		
<b>Đối tác nhập khẩu 2017</b>	Hàn Quốc (10%); Nhật Bản (9%); Mỹ (8,4%); Đức (5,3%); Úc (5,2%); Brazil (3,2%); Malaysia (3%); Việt Nam (2,7%); Thái Lan (2,3%)		
<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	2,36 nghìn tỷ USD	2,2 nghìn tỷ USD	2,4 nghìn tỷ USD
<b>Mặt hàng xuất khẩu chính</b>	Máy móc thiết bị (bao gồm xử lý dữ liệu, may mặc, thiết bị cầm tay, điện thoại vô tuyến, dệt may, mạch tích hợp)		
<b>Đối tác xuất khẩu 2017</b>	Mỹ (19%); Hồng Kông (12%); Nhật Bản (6%); Hàn Quốc (4,5%); Việt Nam (3,2%); Đức (3,1%); Ấn Độ (3%); Hà Lan (3%); Anh (2,5%); Singapore (2%)		

Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

### 1.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam

- **Quan hệ chính trị:** Từ khi bình thường hóa quan hệ năm 1991 đến nay, về tổng thể, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc khôi phục nhanh, phát triển mạnh. Năm 2008, hai nước thiết lập quan hệ “đối tác hợp tác chiến lược toàn diện”. Tiếp xúc cấp cao được duy trì với nhiều hình thức, góp phần tăng cường tin cậy chính trị, thúc đẩy hợp tác, tạo điều kiện để hai bên từng bước giải quyết tranh chấp, bất đồng. Hai nước đã ký nhiều hiệp định và văn kiện hợp tác, đặt cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác lâu dài.

- **Quan hệ kinh tế - thương mại và đầu tư:** Kể từ khi bình thường hóa quan hệ, kim ngạch thương mại Việt - Trung tăng hơn 1.800 lần, từ 32 triệu USD (1991) lên gần 60 tỷ USD (2014), từ năm 2004, Trung Quốc là bạn hàng thương mại lớn nhất của Việt Nam. Về đầu tư, tính lũy kế đến hết tháng 02/2015, Trung Quốc có 1109 dự án tại Việt Nam, tổng vốn đăng ký 7,99 tỷ USD, đứng thứ 9/101 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Nhằm tăng cường các dự án đầu tư lớn về cơ sở hạ tầng và hợp tác trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, nhất là hợp tác trong việc phòng ngừa tác động của khủng hoảng tài chính tiền tệ quốc tế, giữ vững an ninh tiền tệ ở mỗi nước, hai bên đang thúc đẩy thành lập Nhóm công tác hợp tác về cơ sở hạ tầng và Nhóm công tác về hợp tác tiền tệ.

Không chỉ là thị trường thu hút đầu tư nước ngoài mạnh mẽ mà trong thời gian gần đây, Trung Quốc đã tăng cường đầu tư ra nước ngoài với nhiều dự án quy mô lớn, đầu tư các công ty, tập đoàn ngoài nước. Theo thống kê của Cục Thống kê Trung Quốc, năm 2017, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Trung Quốc đạt 131 tỷ USD (không kể ngành ngân hàng, bảo hiểm tài chính), tăng 7,9%, có 35.652 doanh nghiệp vốn nước ngoài thành lập mới; Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài (không kể ngành ngân hàng, bảo hiểm tài chính) đạt 120,1 tỷ USD, giảm 29,4% so với cùng kỳ năm 2016 (trong đó đầu tư vào các nước thuộc sáng kiến “Vành đai, Con đường” đạt 14,4 tỷ USD). Theo dự báo, phân tích của một số học giả nổi tiếng của Trung Quốc và quốc tế, Trung Quốc sẽ tiếp tục vươn lên mạnh mẽ, có thể cạnh tranh với những nền kinh tế lớn và có thể soán ngôi Mỹ vươn lên số 1 thế giới vào năm 2030.

**- Quan hệ hợp tác giáo dục, văn hoá, thể thao và du lịch:**

+ Về giáo dục: hiện có hơn 13.500 lưu học sinh Việt Nam đang học tại Trung Quốc và khoảng trên 4.000 học sinh Trung Quốc đang du học tại Việt Nam.

+ Về văn hóa, thể thao: hàng năm, hai bên trao đổi nhiều đoàn biểu diễn nghệ thuật, giao lưu văn hoá - thể thao, góp phần tăng cường tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước. Hai bên cũng đã triển khai thực hiện hiệu quả “Thoả thuận về hợp tác Thể dục thể thao”; Trung Quốc giúp Việt Nam trong việc huấn luyện và đào tạo vận động viên tài năng.

+ Về du lịch: nhiều năm qua, du khách Trung Quốc luôn đứng đầu trong thị trường khách du lịch quốc tế đến Việt Nam (năm 2014 là 1,95 triệu lượt người) trong khi có khoảng một triệu lượt người Việt Nam đi Trung Quốc du lịch.

- **Về biên giới lãnh thổ:** Sau khi bình thường hoá quan hệ, hai bên đã ký Thoả thuận về các nguyên tắc cơ bản giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ (1993) và tiến hành đàm phán về 3 vấn đề: biên giới trên đất liền, phân định Vịnh Bắc Bộ và vấn đề Biển Đông. Đến nay, hai trong ba vấn đề do lịch sử để lại này đã được giải

- **Các FTAs chính hiện đang tham gia:** Tính đến nay, Trung Quốc đã ký kết 15 FTAs với 21 quốc gia và vùng lãnh thổ (không bao gồm Hồng Kông, Đài Loan, Ma Cao), cụ thể: Man-đi-vơ (năm 2017), Ô-xtrây-li-a (năm 2015), Thụy Sĩ (năm 2014), Hàn Quốc (năm 2015), Chi Lê (năm 2005), ASEAN (năm 2002), ASEAN “10+1” bản nâng cấp (năm 2015), Pê-ru (năm 2009), Chi-lê bản nâng cấp (năm 2017), Cô-xta-ri-ca (năm 2010), Xin-ga-po (năm 2008), Ai-xơ-len (năm 2013), Niu Di-lân (năm 2008), Pa-ki-xtan (năm 2006) và Gru-di-a (năm 2016).

#### ***1.4. Tiềm năng thị trường***

Đối với thị trường Trung Quốc, lĩnh vực được coi là tiềm năng phù hợp với nhu cầu thị trường của Trung Quốc và lợi thế xuất khẩu của Việt Nam gồm có:

- Thủy sản: Thủy sản đông lạnh như: tôm sú, tôm thẻ, cua, bạch tuộc, mực, ngao...  
Thủy sản tươi sống: tôm hùm, cua gạch, cua thịt
- Nông sản: hoa quả nhiệt đới, gạo, cà phê, cao su, hạt điều, hạt tiêu, sắn và tinh bột sắn
- Thực phẩm chế biến: hoa quả sấy khô, bánh đậu xanh, kẹo dừa
- Hàng tiêu dùng: giày, dép...
- Hàng điện tử: các sản phẩm máy điện thoại, camera...

## 2. Thị trường Philippines

### 2.1. Các thông tin cơ bản

**Tên chính thức:** Cộng hòa Philippines, **Thủ đô:** Manila

**Diện tích:** 300.000 km<sup>2</sup>, đứng thứ 73 thế giới, bao gồm 7.641 hòn đảo

**Dân số:** 104.9 triệu (2017), hạng 13 thế giới, với hơn 28 dân tộc, trong đó 2 dân tộc chính là Visayas và Tagalog

**Ngôn ngữ chính:** tiếng Filipino và tiếng Anh

**Tôn giáo:** Thiên Chúa giáo (92%), Hồi giáo (5,5%) còn lại là các đạo khác

**Đơn vị tiền tệ:** Peso (PHP), 1 USD = 52.75 RMB (tháng 11/2018)

**Múi giờ:** nằm tại Đông Nam Á, múi giờ GMT +8 (lệch 1 tiếng so với Việt Nam)

**Biên giới:** Philippines là quốc đảo nên chỉ có biên giới biển, giáp với Trung Quốc, Đài Loan, Malaysia và Việt Nam

**Đặc điểm tự nhiên:** Toàn bộ bờ biển Philippines dài 23.184 km. 3/4 diện tích là rừng núi; đồng bằng thấp, nhỏ, hẹp và có nhiều thung lũng xen kẽ các sườn núi. Phi-líp-pin nằm trong khu vực có nhiều động đất và núi lửa với khoảng 10 núi lửa đang trong thời kỳ hoạt động. Philippines có khí hậu nhiệt đới gió mùa, thường có bão lớn (trung bình 20 cơn bão/năm). Philippines có hai mùa rõ rệt là mùa khô và mùa mưa: mưa-bão từ tháng 6 đến tháng 10; khô-mát từ tháng 11 đến tháng 2; nóng-khô từ tháng 3 đến tháng 5. Nhiệt độ trung bình là 25 độ C

**Thể chế chính trị:** nhà nước Cộng hòa. Đứng đầu Nhà nước và Chính phủ là Tổng thống, nhiệm kỳ 6 năm, không tái cử nhiệm kỳ 2. Cơ quan lập pháp là: Quốc hội (Congress)

gồm hai viện. Thượng viện và Hạ viện. Toà án: Hệ thống tư pháp của Philippines chịu sự quản lý và giám sát của Toà án Tối cao và hoạt động theo 4 cấp gồm: Tòa án thượng thẩm; Tòa án phúc thẩm; Toà án sơ thẩm vùng; và Toà án sơ thẩm tỉnh, thành phố, quận, huyện.

**Ngày nghỉ, lễ tết:** Tết dương lịch nghỉ 3 ngày, tết âm lịch nghỉ 2 ngày, tuần thánh (29-31/3) nghỉ 3 ngày, kỉ niệm trận chiến Mactan (9/4) nghỉ 1 ngày, Quốc tế Lao động, Quốc khánh (12/6) nghỉ 1 ngày, lễ Ninoy Aquino (21/8) nghỉ 1 ngày, kỉ niệm liệt sĩ (27/8) nghỉ 1 ngày, lễ thánh (1/11) nghỉ 2 ngày, lễ Bonifacio (30/11) nghỉ 1 ngày, Giáng sinh nghỉ 2 ngày.

## **2.2. Tình hình kinh tế**

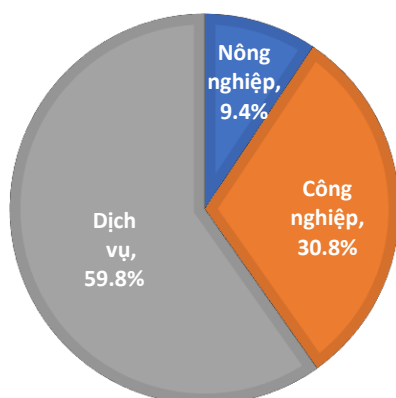
Philippines là nước khá giàu tài nguyên thiên nhiên trên đất liền và dưới biển, có nhiều khoáng sản như vàng, đồng, sắt, crôm, măng-gan, than đá, dầu lửa và khí đốt. Năm 2004, Chính phủ ước tính trữ lượng khoáng sản trong lòng đất có tổng giá trị khoảng từ 800 đến 1000 tỷ USD. Tuy nhiên, hiện nay Philippines mới chỉ xuất khẩu khoáng sản khoảng 0,5 tỷ USD/năm.

Philippines chủ yếu vẫn là một nước nông nghiệp và trình độ phát triển còn thấp, dân số dựa vào nông nghiệp là chủ yếu. Cây trồng chính là lúa, ngô, dừa, mía, chuối, dứa, cà phê, thuốc lá, bông, đay, các loại đậu và cây Abaca để lấy sợi. Trước đây, công nghiệp của Philippines chủ yếu là khai khoáng, gỗ và chế biến thực phẩm. Một số ngành mới nổi lên là điện tử và may mặc xuất khẩu. Philippines buôn bán chủ yếu với Mỹ, Nhật. Nhập khẩu chính của Philippines là: dầu mỏ, than đá, sắt thép, vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc, lương thực, hoá chất .... Dịch vụ ở Philippines phát triển khá mạnh. Xuất khẩu lao động rất quan trọng, với trên 10 triệu người lao động ở nước ngoài, mỗi năm ước tính gửi về nước trên 10 tỷ USD.

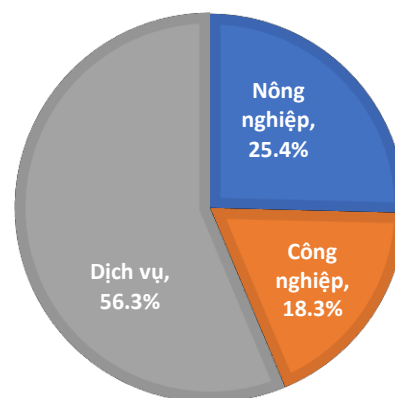
Từ 2011 – 2015, Philippines đạt tăng trưởng kinh tế nhanh khoảng 6% mỗi năm, năng lực cạnh tranh được cải thiện. Tỷ lệ thất nghiệp giảm một phần nhưng vẫn ở mức cao, tình trạng thiếu việc làm vẫn là vấn đề lớn của Philippines. Ít nhất 40% việc làm là trong những lĩnh vực không chính quy. Tỷ lệ nghèo đói rất cao, chiếm khoảng ¼ dân số. Trong đó khoảng 60% dân nghèo sống trong khu vực nông thôn.

Năm 2017, theo ước tính của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Phi-líp-pin là nền kinh tế lớn thứ 34 trên thế giới theo GDP danh nghĩa, và là nền kinh tế lớn thứ 13 ở Châu Á. Phi-líp-pin là một trong những thị trường mới nổi và đứng thứ 6 ở Đông Nam Á theo giá trị GDP bình quân đầu người, sau các nước trong khu vực như Singapore, Brunei, Malaysia, Thái Lan và Indonesia.

**Hình 5: Cơ cấu GDP theo ngành của Phillipines năm 2017**



**Hình 6: Phân bố lao động theo ngành của Phillipines năm 2017**



Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

**Bảng 2 : Tổng quan kinh tế Phillipines giai đoạn 2015-2017**

	2015	2016	2017
<b>GDP</b>	767,2 tỷ USD	820,4 tỷ USD	874,5 tỷ USD
<b>Tăng trưởng GDP</b>	6,1%	6,9%	6,6%
<b>GDP theo đầu người</b>	7.500 USD	7.900 USD	8.200 USD
<b>Tỷ lệ lạm phát</b>	1,41%	1,8%	3,1%
<b>Sản phẩm nông nghiệp</b>	Mía, ngô, dừa, gạo, dứa, chuối, sắn, xoài, thịt lợn, trứng, bò, cá.		
<b>Công nghiệp</b>	Lắp ráp điện tử, dệt may, gia dầy, dược, hóa chất, sản phẩm gỗ, chế biến thực phẩm, dầu mỏ, đánh cá.		
<b>Kim ngạch nhập khẩu</b>	70,15 tỷ USD	77,52 tỷ USD	90,42 tỷ USD
<b>Mặt hàng nhập khẩu chính</b>	Máy móc thiết bị điện tử, khoáng chất, thiết bị giao thông, máy móc, quặng, thép, vải, hóa chất, nhựa		
<b>Đối tác nhập khẩu 2017</b>	Trung Quốc (18%); Nhật Bản (11,6%); Hàn Quốc (8,7%); Mỹ (8,2%); Thái Lan (6,9%); Indonesia (6,6%);		

	2015	2016	2017
	Singapore (5,8%); Malaysia (3,9%); Hồng Kông (2,8%) và Việt Nam 92,8%)		
<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	58,64 tỷ USD	43,44 tỷ USD	53,22 tỷ USD
<b>Mặt hàng xuất khẩu chính</b>	Sản phẩm điện và ph kiện, thiết bị giao thông, dệt may, đồng, dầu khí, dầu dừa, hoa quả.		
<b>Đối tác xuất khẩu 2017</b>	Nhật Bản (16%); Mỹ (14%); Hồng Kông (13%); Trung Quốc (11,7%); Hàn Quốc (6,3%); Singapore (5,8%); Thái Lan (4%); Đức (3,9%); Hà Lan (3,7%) và Malaysia (2,5%)		

Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

### 2.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam

- **Quan hệ chính trị:** Quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Phi-líp-pin phát triển tốt. Tháng 11/2002, hai nước ký Khuôn khổ Hợp tác Song phương trong 25 năm đầu thế kỷ 21 và thời kỳ tiếp theo. Tháng 10/2011, hai nước ký Chương trình Hành động giai đoạn 2011 – 2016 nhằm triển khai quan hệ hợp tác song phương trong nhiều lĩnh vực cụ thể. Ngày 17/11/2015, Bộ trưởng Ngoại giao hai nước đã ký Tuyên bố chung thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược, chính thức nâng tầm quan hệ và mở ra một kỷ nguyên hợp tác mới cho quan hệ hai nước.

#### - Quan hệ kinh tế:

+ **Thương mại:** Kim ngạch thương mại song phương tăng đều theo hàng năm. Tính đến hết tháng 6/2018, kim ngạch thương mại song phương đạt gần 2,2 tỷ USD, tăng 18,7% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Philippines gần 1,58 tỷ USD (tăng 21%) và nhập khẩu từ Philippines gần 620 triệu USD (tăng 12,5%). Trong đó, gạo là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ chốt của Việt Nam sang Phillipines.

+ **Đầu tư:** Về đầu tư của Phi-líp-pin vào Việt Nam, hiện Phi-líp-pin có 76 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký khoảng 328 triệu USD, đứng thứ 35/126 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam. Quy mô vốn bình quân 1 dự án của Phi-líp-pin là 4,32 triệu USD/dự án, bằng 1/3 mức bình quân chung của 1 dự án FDI tại Việt Nam.

Theo ngành: Đến nay, Phi-líp-pin đã đầu tư vào 10/21 ngành theo hệ thống phân ngành của Việt Nam, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đứng thứ nhất với 25 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 252 triệu USD (chiếm 33% số dự án và chiếm khoảng 77% tổng vốn đầu tư); tiếp theo là lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản với 2 dự án và tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 60 triệu USD...

Hình thức: Các nhà đầu tư Phi-líp-pin đầu tư chủ yếu theo hình thức 100% vốn nước ngoài với 59 dự án với số vốn đăng ký đạt 165 triệu USD (76% số dự án, 52,6% vốn đầu tư); hình thức liên doanh có 17 dự án, 163 triệu USD.

Địa bàn: Phi-líp-pin đã đầu tư vào 20/63 tỉnh thành của Việt Nam, đứng đầu là Hà Nội (17 dự án; 92,5 triệu USD); Bình Dương (6 dự án; 74 triệu USD); Ninh Bình (1 dự án; 60 triệu USD); TP. Hồ Chí Minh (32 dự án; 41 triệu USD).

Về đầu tư của Việt Nam vào Phi-líp-pin, Việt Nam có 5 dự án đầu tư sang Phi-líp-pin với tổng vốn đầu tư là 4 triệu USD, trong lĩnh vực phát triển phần mềm – ứng dụng (FPT), dịch vụ, thương mại

- **Quan hệ hợp tác giáo dục, văn hóa, thể thao và du lịch:** Số lượng du học sinh Việt Nam sang Phi-líp-pin ngày càng tăng (học đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, bằng học bổng hoặc tự túc); khách du lịch Phi-líp-pin tới Việt Nam có chiều hướng tăng lên: 27 nghìn lượt (2008) lên hơn 143.000 nghìn lượt (2017). Lượng khách du lịch từ Việt Nam sang Phi-líp-pin cũng tăng từ 6.000 lượt năm 2009 lên hơn 40.000 lượt năm 2017.

- **Hợp tác trong lĩnh vực khác:**

+ **Hợp tác biển và đại dương:** Là một trong những trụ cột chính trong quan hệ hai nước. Hai bên có cơ chế Nhóm công tác chung về Biển và Đại dương, họp thường kỳ hàng năm (đã họp 7 kỳ) và được nâng cấp thành Ủy ban Hỗn hợp về Biển và Đại dương cấp Thứ trưởng Ngoại giao, họp phiên đầu tiên tháng 2/2012 và phiên thứ 2 vào tháng 9/2015.

+ **Hợp tác nông - ngư nghiệp:** Việt Nam bắt đầu hợp tác với Viện nghiên cứu Lúa quốc tế (IRRI) ở Phi-líp-pin từ 1963 với việc cử cán bộ đến IRRI thực tập, nghiên cứu (từ 1964-2009, IRRI đã đào tạo cho Việt Nam 254 nhà khoa học, trong đó có 55 thạc sĩ, 29 tiến sĩ). Về thủy sản, hai bên đã ký Bản Thỏa thuận về Hợp tác Thủy sản (6/2010) để triển khai các hợp tác cụ thể trong lĩnh vực thủy sản và thành lập Ủy ban Hợp tác Nghề cá (họp lần 1 tháng 7/2011 tại Ma-ni-la, lần 2 tháng 8/2012 tại thành phố Hồ Chí Minh), trong đó nhất trí thiết lập đường dây nóng xử lý vấn đề đánh bắt cá trái phép và hỗ trợ ngư dân.

+ **Hàng hải:** Hiệp định Vận tải biển Việt Nam-Phi-líp-pin ký 02/1992; Thỏa thuận song phương về Tìm kiếm cứu nạn trên biển (ký 10/2010) và có hiệu lực từ 12/2012.



## **2.4. Tiềm năng thị trường**

Phi-líp-pin là thị trường quy mô lớn với hơn 100 triệu dân, kim ngạch nhập khẩu trên 90 tỷ USD/năm. Yêu cầu về chất lượng và giá cả hàng hóa không quá cao, văn hóa tiêu dùng không quá khắt khe (không phải theo các quy định tôn giáo, khá cởi mở với đồ dùng nhập khẩu), phù hợp với khả năng cung cấp của Việt Nam. Mặt khác, hàng hóa của Việt Nam được hưởng mức thuế ưu đãi trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN;

Giao thông thuận lợi cho giao lưu thương mại song phương với đường bay thẳng từ Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh khoảng 3- 3,5 tiếng; chi phí ăn ở, đi lại không quá đắt đỏ, giúp giảm chi phí giao dịch, gặp gỡ khách hàng.

### **Các mặt hàng có tiềm năng tại thị trường:**

- Thủy sản: Ngành này chưa được phát triển như Việt Nam. Thủy sản Việt Nam có chất lượng cao, được ưa chuộng.
- Nông sản: dân số đông, sức tiêu thụ nông sản lớn, sản xuất trong nước không đủ đáp ứng nhu cầu người dân
- Thực phẩm chế biến: đặc tính người Philippines chuộng thức ăn nhanh vì tính tiện lợi và giá rẻ.
- Vật liệu xây dựng: Philippines đang có Chương trình đầu tư cải tạo cơ sở hạ tầng do Tổng thống ban hành. Do đó nhu cầu về vật liệu xây dựng rất cao, đặc biệt là xi măng.
- Dây điện, cáp điện và thiết bị điện: Chất lượng dây điện, cáp điện và thiết bị điện của Việt Nam có chất lượng cao, được ưa chuộng tại thị trường Philippines.

## **3. Thị trường Malaysia**

### **3.1. Các thông tin cơ bản**

**Tên chính thức:** Malaysia, **Thủ đô:** Kuala Lumpur

**Diện tích:** 329,657 km<sup>2</sup>, đứng thứ 67 thế giới về diện tích đất liền

**Dân số:** 31,62 triệu người (2017), trong đó 2 nhóm dân tộc chính là Malay (50.4%), Trung Quốc (23.7%) và các dân tộc khác

**Ngôn ngữ chính:** Tiếng Mã-lai (quốc ngữ); tiếng Hoa (nhiều tiếng địa phương khác nhau); tiếng Anh (được sử dụng rộng rãi), tiếng Tamil và một số ngôn ngữ địa phương khác.

**Tôn giáo:** Hồi giáo (60,4%); Phật giáo (19,2%); Thiên chúa giáo (9,1%), Hin-đú (6,3%); các tôn giáo khác (5,0%)

**Đơn vị tiền tệ:** Ringgit (RM), 1 USD = 4.16 RMB (tháng 11/2018)

**Múi giờ:** nằm tại Đông Nam Á, múi giờ GMT +8 (lệch 1 tiếng so với Việt Nam)

**Biên giới:** có biên giới trên bộ với Thái Lan, Indonesia và Brunei, biên giới trên biển giáp với Singapo, Việt Nam và Phillipines

**Đặc điểm tự nhiên:** Malaysia là một quốc gia nhiệt đới, là một trong 17 quốc gia đa dạng sinh học siêu cấp trên Trái Đất, với nhiều loài đặc hữu. Nhiệt độ trung bình của Malaysia đạt từ 21-32°C, độ ẩm cao. Địa hình chủ yếu của Malaysia là đồng bằng duyên hải rồi cao lên là đồi, núi.

**Thể chế chính trị:** nhà nước Malaysia là nhà nước quân chủ lập hiến, Quốc Vương đứng đầu quốc gia có nhiệm kỳ 5 năm, do Hội đồng Tiểu vương bầu ra và được lựa chọn trong số 9 Tiểu vương của 9 bang (có 4 bang Xa-ba, Xa-ra-oác, Pe-nang và Ma-lắc-ca không có Tiểu vương). Quốc Vương là nguyên thủ quốc gia. Thủ tướng là lãnh tụ phe đa số tại Hạ viện, nhiệm kỳ 5 năm. Quốc hội Malaysia gồm 2 viện: Thượng viện (Dewan Negara) có 70 ghế, trong đó 44 ghế do Quốc Vương bổ nhiệm, 26 ghế do Viện lập pháp bang của 13 bang bầu, nhiệm kỳ 3 năm. Hạ viện (Dewan Rakyat) có 222 ghế, do bầu cử với nhiệm kỳ 5 năm.

**Ngày nghỉ, lễ tết:** tết Dương lịch; ngày Awal Muharam/ Maal Hijrah của người đạo Hồi (thường vào tháng 1); tết Nguyên Đán của người gốc Hoa (ngày 1,2 tháng 1 âm lịch), ngày sinh của nhà tiên tri Mohamad của đạo Hồi (cuối tháng 3), Quốc tế Lao động, Quốc khánh (31/8), tết Hari-Raya sau khi kết thúc tháng Ramadan (2 ngày mùng 1, 2 lịch đạo Hồi), tết Deepavali của người gốc Ấn Độ (thường vào giữa tháng 10 hoặc 11), Giáng sinh.

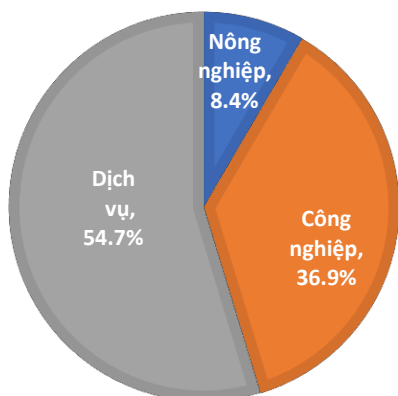
### **3.2. Tình hình kinh tế**

Malaysia là nước có thu nhập trung bình, nền kinh tế đã được chuyển đổi từ những năm 70 từ sản xuất các nguyên vật liệu thô thành nền kinh tế đa ngành nghề. Những năm gần đây Malaysia tích cực hướng đầu tư vào khu vực công nghệ cao, công nghệ y tế và đẩy mạnh nhu cầu hoạt động kinh tế trong nước, từ bỏ thói quen dựa dẫm vào xuất khẩu. Tuy nhiên, xuất khẩu của Malaysia, đặc biệt trong ngành điện tử vẫn đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế. Malaysia tiếp tục thu được nhiều lợi nhuận từ việc xuất khẩu dầu, khí đốt do giá năng lượng trên thế giới đang tăng cao.

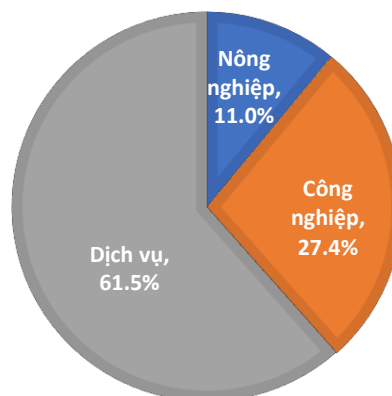
Tuy nhiên do giá gas và khí đốt trong nước cũng tăng, kết hợp với tài chính thắt chặt, đã buộc Malaysia phải giảm thiểu sự hỗ trợ từ Chính phủ. Chính phủ cũng bớt phụ thuộc

vào nhà cung cấp khí đốt là Petronas, công ty đóng góp hơn 40% trong tổng thu nhập quốc dân. Ngân hàng Trung ương vẫn duy trì được tỷ giá ngoại tệ và cơ chế điều hành cũng được thực hiện tốt đã hạn chế những rủi ro tài chính của Malaysia trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Tuy nhiên, nhu cầu về hàng tiêu dùng trên thế giới giảm mạnh đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động xuất khẩu của Malaysia và tốc độ phát triển kinh tế của nước này trong năm 2009 với tăng trưởng GDP chỉ đạt -1.6%. Năm 2010 và 2011, kinh tế Malaysia hồi phục với mức tăng GDP lần lượt đạt 7.2% và 5.2%.

**Hình 7: Cơ cấu GDP theo ngành của Malaysia năm 2017**



**Hình 8: Phân bố lao động theo ngành của Malaysia năm 2017**



Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

**Bảng 3: Tổng quan kinh tế Malaysia giai đoạn 2015-2017**

	2015	2016	2017
<b>GDP</b>	842,8 tỷ USD	878,4 tỷ USD	926,1 tỷ USD
<b>Tăng trưởng GDP</b>	5%	4,2%	5,4%
<b>GDP theo đầu người</b>	27.000 USD	27.800 USD	28.900 USD
<b>Tỷ lệ lạm phát</b>	2,1%	2,1%	3,8%
	*giá của 30 mặt hàng thiết yếu luôn được kiểm soát		
<b>Sản phẩm nông nghiệp</b>	Cao su, dầu cọ, bột ca cao, gạo, dừa, gỗ, hạt tiêu		
<b>Công nghiệp</b>	Chế biến cao su, dầu cọ, công nghiệp nhẹ, thuốc, điện tử khai khoáng, chế biến gỗ, chế biến nông nghiệp, dầu khí		
<b>Kim ngạch nhập khẩu</b>	176,2 tỷ USD	168,4 tỷ USD	140,9 tỷ USD

	2015	2016	2017
<b>Mặt hàng nhập khẩu chính</b>	Điện tử, máy móc, dầu cọ, sản phẩm dầu khí, nhựa, xe cộ, sắt thép, hóa chất, gỗ, dệt may		
<b>Đối tác nhập khẩu 2017</b>	Trung Quốc (20%); Singapore (8,3%); Mỹ (7,6%); Nhật Bản (7,6%), Thái Lan (5,7%); Indonesia (4,5%); Hàn Quốc (4,3%); Ấn Độ (3,2%); Đức (3,1%); Việt Nam (2,7%)		
<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	200 tỷ USD	189,4 tỷ USD	188,2 tỷ USD
<b>Mặt hàng xuất khẩu chính</b>	Thiết bị điện tử, hóa chất, dầu mỏ và khí gas tự nhiên, các sản phẩm gỗ, dầu cọ, cao su, dệt may, hóa chất		
<b>Đối tác xuất khẩu 2017</b>	Singapore (14%); Trung Quốc (13%); Mỹ (10%); Nhật Bản (8%); Thái Lan (5,4%); Hồng Kông (5,1%); Indonesia (3,7%); Ấn Độ (3,7%); Úc (3,5%); Hàn Quốc (3,1%)		

Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

### 3.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam

- **Quan hệ chính trị:** phát triển tốt đẹp. Hai bên thường xuyên trao đổi đoàn và tiếp xúc cấp cao, gần đây nhất là chuyến thăm Việt Nam của Quốc vương Malaysia (3/2009, 9/2013); Thủ tướng Na-díp Tun Ra-dắc (4/2014); Chủ tịch nước (9/2011) và Thủ tướng ta (8/2015) sang thăm chính thức Ma-lai-xi-a. Hai nước ký “Tuyên bố chung về khuôn khổ hợp tác toàn diện trong thế kỷ 21” nhân chuyến thăm Malaysia của Thủ tướng Phan Văn Khải vào tháng 4/2004 và « Tuyên bố chung về khuôn khổ quan hệ Đối tác chiến lược » nhân chuyến thăm chính thức Malaysia của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (8/2015); thông qua Chương trình Hành động triển khai Đối tác Chiến lược (3/2017).

- **Quan hệ kinh tế thương mại:**

+ **Về thương mại:** Hai nước là một trong 10 đối tác thương mại lớn nhất của nhau (Malaysia là đối tác thương mại thứ 7 của Việt Nam năm 2016). Kim ngạch thương mại giữa hai nước tăng trưởng đều: năm 2010 đạt 5,5 tỷ USD; năm 2011 đạt 6,7 tỷ USD; năm 2012 đạt 7,9 tỷ USD; năm 2013 đạt 9 tỷ USD, năm 2014 đạt 8,1 tỷ USD; năm 2015 đạt 7,8 tỷ USD, năm 2016 đạt 8,5 tỷ USD, năm 2017 đạt hơn 10 tỷ USD (ta xuất 4,2 tỷ, nhập gần 5,9 tỷ USD), tăng 19,06 % so với 2016, 6 tháng đầu năm 2018 đạt 5,8 tỷ USD. Ta xuất chủ

yếu sang Malaysia dầu thô, gạo, cà phê, hải sản; nhập chủ yếu sắt thép, xăng dầu, dầu mỡ động thực vật, chất dẻo nguyên liệu, máy móc thiết bị, máy vi tính và sản phẩm điện tử. Hai nước tiến hành kỳ họp thứ 3 của UBHH thương mại Việt Nam - Malaysia bên lề HNCC ASEAN 26 (24-25/4/2015), kỳ 4 dự kiến tại Việt Nam vào giữa năm 2018.

+ **Về đầu tư:** Tính đến ngày 20/6/2018, Malaysia có 13 dự án đầu tư mới sang Việt Nam với số vốn đăng ký 59,83 triệu USD, có 6 dự án điều chỉnh tăng vốn với giá trị 12,09 triệu USD, có 77 lượt mua góp vốn, mua cổ phần với tổng lượng vốn đạt 105,95 triệu USD. Tổng vốn đầu tư FDI từ Malaysia đạt 177,88 triệu USD, đứng thứ 11 trong tổng số 86 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2018. Tính lũy kể đến ngày 20/06/2018, Malaysia đã có 577 dự án đầu tư vào Việt Nam với số vốn đạt 12,407 tỷ USD, đứng thứ 8 trong tổng số 128 nước và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam.

+ **Hợp tác xuất nhập khẩu gạo:** Công ty Bernas là công ty duy nhất của Malaysia được quyền nhập khẩu gạo, đã ký Hợp đồng nhập khẩu gạo với Vinafood 2 có hiệu lực đến năm 2020 (lên tới 800.000 tấn liên tục). Gạo Việt Nam luôn chiếm tỉ trọng 20% lượng gạo nhập khẩu hàng năm của Ma-lai-xi-a, trung bình gần 500 tấn/năm.

- **Hợp tác lao động:** Hiện có khoảng 45.000 lao động Việt Nam tại Ma-lai-xi-a, chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất chế tạo, xây dựng, nông nghiệp, thủy sản... Hai bên ký MOU về tuyển dụng lao động Việt Nam làm việc tại Malaysia (8/2015). Trong năm 2017 Việt Nam đưa thêm được khoảng 3000 lao động sang Ma-lai-xi-a.

- **Hợp tác giáo dục:** đang có khoảng 700 sinh viên Việt Nam du học tại Ma-lai-xi-a.

- **Hợp tác dầu khí:** Petro Việt Nam và Petronas Malaysia có quan hệ hợp tác từ năm 1991 trên tất cả các lĩnh vực của ngành công nghiệp dầu khí từ tìm kiếm thăm dò đến chế biến, dịch vụ. Hai bên đang triển khai 10 dự án hợp tác với tổng trữ lượng khoảng 72.000 thùng dầu/ngày. Nhân chuyến thăm chính thức Malaysia của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng, hai bên đã ký ký Bản ghi nhớ giữa Petro Vietnam và Petronas Malaysia liên quan đến hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí ở khu vực Lô PM3-CAA (07/8/2015).

- **Hợp tác nông nghiệp:** Hai bên đã ký MOU về Hợp tác Nông nghiệp (4/2014), 09 tháng đầu năm 2017 ta xuất hơn 423 triệu USD nông thủy sản, tăng gần 30% so với cùng kỳ năm ngoái.

- **Cộng đồng người Việt tại Malaysia:** hiện có khoảng 65.000 người, sinh sống rải rác tại 13 bang, phần lớn là người lao động, ngoài ra còn 7.200 cô dâu, 700 sinh viên.

- **Hợp tác khu vực và quốc tế:** Hai nước thường xuyên phối hợp và ủng hộ nhau tại các diễn đàn khu vực và quốc tế nhất là ASEAN và Liên hợp quốc (Malaysia ủng hộ Việt Nam vào Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2014-2016, Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2020-2021; Việt Nam ủng hộ Malaysia ứng cử Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2015-2016). Hai nước cũng đang phối hợp tốt và cùng thúc đẩy Cộng đồng ASEAN phát triển.

- **Các thỏa thuận song phương đã kí:** Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (ký 9/1995 và có hiệu lực vào ngày 01/1/1997); Biên bản ghi nhớ (MoU) trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, giáo dục và quan hệ ngoại giao, và sự hợp tác trong tổng thể (ký 2004).

### **3.4. Tiềm năng thị trường**

Malaysia là thị trường tương đối mở. Malaysia là nước công nghiệp hóa, nên sản phẩm nông nghiệp chiếm tỷ lệ nhỏ trong GDP. Hơn nữa đất đai phần lớn là đồi núi không thích hợp cho trồng lúa, cây trái, rau quả...rất thích hợp đối với các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam. Đây là thế mạnh mà các doanh nghiệp Việt cần phát huy. Một vấn đề cần lưu ý khi thâm nhập thị trường này là do Malaysia là nước Hồi giáo, nên các loại thực phẩm nhập khẩu phải đáp ứng tiêu chuẩn halal.

Hiện những mặt hàng các doanh nghiệp Việt có lợi thế cạnh tranh cao tại thị trường Malaysia gồm: Gạo, Thủy sản, Rau quả, Hạt tiêu, Hạt điều, Cà phê... Đây là những mặt hàng Việt Nam nên tận dụng do vị trí địa lý gần với Malaysia, chi phí vận tải rẻ. Hơn nữa những mặt hàng này Việt Nam có lợi thế về giá cả, ít đối thủ cạnh tranh, thị trường có nhu cầu cao, người tiêu dùng Malaysia khá dễ tính miễn là đảm bảo chất lượng, thời gian giao hàng.

## **4. Thị trường Ghana**

### **4.1. Các thông tin cơ bản**

**Tên chính thức:** Cộng hòa Ghana, **Thủ đô:** Accra

**Diện tích:** 238.535 km<sup>2</sup>, đứng thứ 80 thế giới về diện tích đất liền

**Dân số:** 28,83 triệu người (2017), bao gồm 100 nhóm dân tộc khác nhau.

**Ngôn ngữ chính:** tiếng Anh

**Tôn giáo:** Thiên chúa giáo (68.8%), Hồi giáo (15.9%), tín ngưỡng dân tộc (8.5%)

**Đơn vị tiền tệ:** Cedi (GHC), 1 USD = 4.83 RMB (tháng 11/2018)

**Múi giờ:** nằm tại phía tây Trung Phi, múi giờ GMT 0 (lệch 7 tiếng so với Việt Nam)

**Biên giới:** có biên giới với Côte d'Ivoire về phía tây, Burkina Faso về phía bắc, Togo về phía đông, còn về phía nam là Vịnh Guinea

**Đặc điểm tự nhiên:** Ghana được bao phủ bởi những đồng bằng, đồi núi thấp và một số sông ngòi. Ghana có khí hậu nhiệt đới với 2 mùa chính là mùa mưa và mùa khô

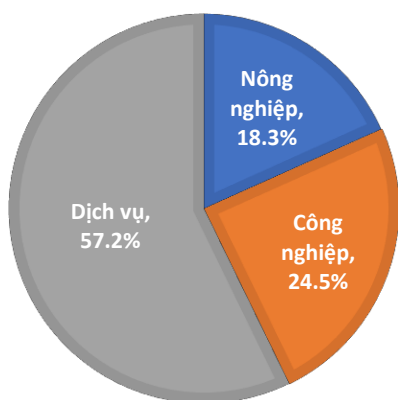
**Thể chế chính trị:** dân chủ nghị viện. Chính phủ được bầu thông qua phổ thông đầu phiếu, tuy nhiên cơ quan lập pháp của Ghana được cơ cấu không theo tỉ lệ, một số tỉnh có dân số ít lại có số đại biểu nhiều hơn các tỉnh có dân số đông hơn.

**Ngày nghỉ, lễ tết:** tết dương lịch, ngày dành độc lập từ Anh (6/3), lễ Phục sinh, Quốc tế Lao động, ngày Thống nhất châu Phi (25/5), các lễ Hội giáo (khoảng 3 ngày), ngày sinh nhà sáng lập Ghana hiện đại (21/9), ngày nông dân (7/12), Giáng sinh.

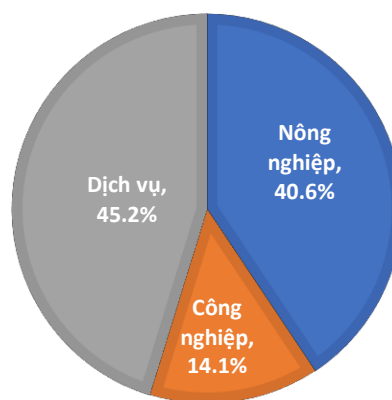
#### 4.2. Tình hình kinh tế

Ghana chỉ có 25 triệu dân nhưng lại là nước có vị trí địa lý thuận lợi về giao thông đường biển, đường bộ, cũng như có nhiều chính sách ưu đãi trong nhập khẩu hàng hóa, hợp tác đầu tư. Ghana được đánh giá là cửa ngõ trung chuyển các mặt hàng tới các nước của khu vực Tây Phi như: Togo, Burkina Faso, Bờ Biển Ngà, Guinea thậm chí cả Nigeria. Ghana là một nước có an ninh chính trị ổn định, đầu tư FDI vào Ghana ngày một tăng, cơ sở hạ tầng được xây dựng nhiều nơi, đời sống kinh tế người dân ngày càng được cải thiện. Chính phủ Ghana đang có nhiều chính sách hỗ trợ để tăng cường phát triển nông nghiệp.

**Hình 9: Cơ cấu GDP theo ngành của Ghana năm 2017**



**Hình 10: Phân bố lao động theo ngành của Ghana năm 2017**



Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

**Bảng 4 : Tổng quan kinh tế Ghana giai đoạn 2015-2017**

	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>
<b>GDP</b>	118,8 tỷ USD	123 tỷ USD	130,2 tỷ USD
<b>Tăng trưởng GDP</b>	3,8%	3,5%	5,9%
<b>GDP theo đầu người</b>	4.400 USD	4.500 USD	4.600 USD
<b>Tỷ lệ lạm phát</b>	17,15%	17,46%	12,37%
<b>Sản phẩm nông nghiệp</b>	Ca cao, gạo, khoai mì, lạc, ngô, cây hạt mỡ, chuối, gỗ		
<b>Công nghiệp</b>	Khai mỏ, gỗ xẻ, công nghiệp nhẹ, nấu chảy nhôm, xi măng, chế biến thực phẩm, đóng tàu thương mại nhỏ		
<b>Kim ngạch nhập khẩu</b>	10,32 tỷ USD	11,14 tỷ USD	14,35 tỷ USD
<b>Mặt hàng nhập khẩu chính</b>	Lương thực, dầu đã lọc, máy móc		
<b>Đối tác nhập khẩu 2017</b>	Trung Quốc (17%), Hoa Kỳ (9,4%), Anh (8,6%), Tây Ban Nha (5,9%), Bỉ (5,7%), Ấn Độ (5%), Nam Phi (3,2%), Canada (2,9%), Đức (2,7%), Thổ Nhĩ Kỳ (2,6%)		
<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	9,56 tỷ USD	12,75 tỷ USD	12,73 tỷ USD
<b>Mặt hàng xuất khẩu chính</b>	Vàng, ca cao, gỗ, cá ngừ, bauxit, nhôm, quặng mangan, kim cương		
<b>Đối tác xuất khẩu 2017</b>	Ấn Độ (19%), Trung Quốc (17%), Thụy Sĩ (12%), Nam Phi (6,3%), Hà Lan (6,2%), Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (5,6%), Burkina Faso (3,4%), Malaysia (3,2%), Hoa Kỳ (2,8%), Anh (2,3%)		

Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

#### **4.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam**

- **Quan hệ chính trị:** Việt Nam và Ga-na lập quan hệ ngoại giao ngày 25/3/1965. Ta mở ĐSQ ở A-cra ngày 5/11/1965 và đóng cửa Sứ quán tháng 6/1966 sau cuộc đảo chính lật đổ Tổng thống En-cru-ma. Ga-na mở ĐSQ ở Hà Nội ngày 11/11/1965 và đóng cửa Sứ quán tháng 6/1966 cũng sau sự kiện trên.



+ Việt Nam và Ga-na có quan hệ tốt. Ga-na ủng hộ ta vào Hội đồng Kinh tế-Xã hội Liên hợp quốc ECOSOC (1996), Ủy viên không thường trực HĐBA Liên hợp quốc khóa 2008-2009, thành viên Hội đồng Nhân quyền LHQ nhiệm kỳ 2014-2016.

+ Trao đổi đoàn: Bạn thăm ta: Tổng thống Qua-mơ En-cru-ma (Kwame Nkrumah 1966); Bộ trưởng Nghề cá I-sma-en A-si-ti (Ishmael Ashitey 2002); Bộ trưởng Giáo dục trong chương trình thăm quan học tập do Ngân hàng Thế giới tài trợ (2006). Ta thăm bạn: Thứ trưởng Khoa học và Công nghệ (2008).

- **Các văn bản đã ký kết:** Bản Ghi nhớ về Hợp tác song phương trong lĩnh vực Nghề cá và Phát triển Lúa gạo (2002).

- **Quan hệ kinh tế:** Năm 2017, kim ngạch song phương đạt 589 triệu USD, trong đó ta xuất 268,3 triệu USD chủ yếu là gạo (203 triệu USD), sắt thép các loại, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, nhập 320,7 triệu USD chủ yếu là hạt điều (271 triệu USD), gỗ và sản phẩm gỗ, sắt thép phế liệu.

+ 6/2014: Dự án nuôi tôm thương mại do Công ty TNHH Ghavie (doanh nghiệp tư nhân do một số người Ga-na và Việt Nam thành lập từ 8/2013) thực hiện. Dự án đã nuôi thành công 200.000 tôm sú và 500.000 tôm thẻ chân trắng địa phương và có khả năng sản xuất 15 triệu tôm non/tháng khi hoạt động đủ công suất. Dự và phát biểu tại lễ khánh thành, Tổng thống Ghana Giôn Ma-ha-ma cho biết Ga-na mong muốn hợp tác với Việt Nam nhằm phát triển ngành thủy sản.

+ Hiện nay, có khoảng 50 người Việt Nam đang sống và làm việc tại Ga-na, chủ yếu làm ảnh, buôn bán (gạo, gỗ, nông sản...), dự án nuôi tôm Ghavie...

## **5. Thị trường Bangladesh**

### **5.1. Các thông tin cơ bản**

**Tên chính thức:** Cộng hòa Nhân dân Bangladesh, **Thủ đô:** Dhaka

**Diện tích:** 143.998 km<sup>2</sup>, đứng thứ 94 thế giới về diện tích đất liền

**Dân số:** 164,7 triệu người (2017), trong đó 98% là người Bengal, chỉ có 2% còn lại là các dân tộc thiểu số

**Ngôn ngữ chính:** tiếng Bengali (95% dân sử dụng); tiếng Anh được sử dụng rộng rãi

**Tôn giáo:** Hồi giáo (88%), Ấn Độ giáo (5,5%), Phật giáo (0,6%) và Thiên chúa giáo

**Đơn vị tiền tệ:** Taka (BDT), 1 USD = 83.93 RMB (tháng 11/2018)

**Múi giờ:** năm tại Nam Á, múi giờ GMT +6 (lệch 1 tiếng so với Việt Nam)

**Biên giới:** giáp với Ấn Độ và Myanmar

**Đặc điểm tự nhiên:** nhiệt đới gió mùa, quanh năm nóng và ẩm. Mùa hè nhiệt độ trung bình từ 24 đến 39 độ C; Mùa đông từ 18 đến 23 độ C. Địa hình chủ yếu là đồng bằng màu mỡ nhưng độ cao trung bình lại thấp hơn mực nước biển 10 mét, do đó Bangladesh là một trong những quốc gia dễ bị ảnh hưởng nhất bởi biến đổi khí hậu

**Thể chế chính trị:** chế độ dân chủ nghị viện. Đứng đầu Nhà nước là Tổng thống, do Quốc hội bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm, chủ yếu mang tính nghi thức. Quốc hội là cơ quan lập pháp tối cao được bầu trực tiếp thông qua Tổng tuyển cử với nhiệm kỳ 5 năm. Chính phủ là cơ quan hành pháp cao nhất. Sau Tổng tuyển cử, Thủ lĩnh một đảng hoặc liên minh các đảng có đa số ghế ở Quốc hội làm Thủ tướng Chính phủ. Tòa án tối cao là cơ quan tư pháp cao nhất.

**Ngày nghỉ, lễ tết:** ngày kỉ niệm tiếng mẹ đẻ (21/2); ngày tưởng niệm Sheikh Mujibur Rahman, người thành lập Bangladesh (17/3); năm mới theo lịch Bengali (14/4); Phật đản; Quốc tế Lao động; các ngày lễ của Hồi giáo (lễ Ramadan, lễ Eid Al-Adha, ngày sinh của nhà tiên tri Muharram...) có thể lên tới 10 ngày; ngày Chiến thắng (16/11); Giáng sinh

## 5.2. Tình hình kinh tế

Nhìn chung, Bangladesh vẫn là một nước nghèo, chính trị không ổn định và hạ tầng cơ sở yếu kém. Dân số đông và tăng nhanh cũng là một trong những yếu tố kìm hãm đà tăng trưởng của nước này, khiến Bangladesh phụ thuộc nhiều vào viện trợ nước ngoài. Trên 42,7% lực lượng lao động làm nông nghiệp và lúa được trồng trên hơn 75% đất canh tác. Đất đai màu mỡ, song mùa màng thường xuyên bị lũ lụt và gió xoáy đe dọa. Từ năm 1992, một chương trình chống lụt cơ bản đã bắt đầu được thực hiện nhằm thay đổi dòng chảy của các sông và đắp cao các đê. Sản phẩm thương mại chủ yếu của Băng-la-đét là đay (chiếm 90% sản phẩm đay của thế giới) và chè. Các ngành công nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp gồm các ngành chế biến đay, bông và sản xuất đường. Khí tự nhiên là khoáng sản chủ yếu được khai thác từ năm 1988. Sản xuất điện năng đạt 12,5 tỷ kWh, trong đó nhiệt điện: 98%, thủy điện: 2%.

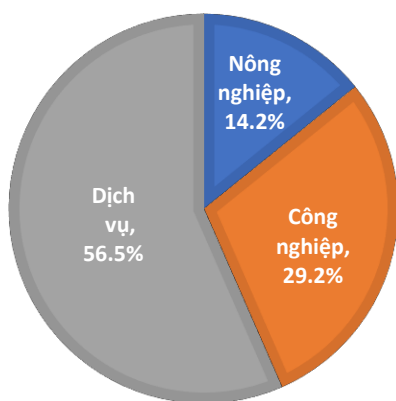
Từ khi tiến hành tự do hoá và mở cửa kinh tế cuối thập kỷ 1980 đầu thập kỷ 1990, xuất khẩu của Băng-la-đét luôn đạt mức tăng trưởng cao. Các thị trường xuất khẩu lớn của Băng-la-đét là Bắc Mỹ, Tây Âu (Đức, Anh), Úc, Nhật, chiếm trên 60% thị phần. Các mặt hàng xuất khẩu chính là quần áo may sẵn (chiếm 80%), nông sản, đồ đông lạnh (đặc biệt là tôm), dược phẩm, đồ gốm, điện tử, đồ thủ công, chè, đay, đồ da... Các sản phẩm nhập khẩu chính là: máy móc thiết bị, hóa chất, sắt thép, dầu thô và các sản phẩm từ dầu, xi măng, gạo, mì, sữa, thực phẩm, đường, bông thô... Xuất khẩu lao động là thế mạnh của

Băng-la-đét. Hiện có khoảng 2 triệu lao động Băng-la-đét làm việc ở nước ngoài, chủ yếu là tại các nước Trung Đông.

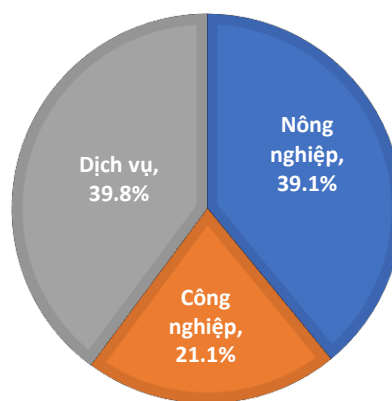
Bangladesh là nước xuất khẩu hàng dệt may lớn thứ hai trên thế giới (sau Trung Quốc), và đứng đầu về sản xuất sợi đay. Trong năm tài chính 2017-2018, kim ngạch xuất khẩu dệt may của Bangladesh đạt 30,61 tỷ USD. Bangladesh đang sở hữu những lợi thế cạnh tranh như nguồn lao động trẻ, giá nhân công cạnh tranh, đồng thời nước này đang được hưởng quy chế miễn thuế và miễn hạn ngạch khi xuất khẩu sang EU, Úc, Canada, Ấn Độ, Nhật và New Zealand. Bangladesh được Liên hợp quốc đánh giá có khả năng chính thức thoát khỏi Nhóm các nước kém phát triển nhất vào năm 2024 nếu tiếp tục đáp ứng được các tiêu chí đề ra. Chỉ số cạnh tranh toàn cầu năm 2017-2018 của Bangladesh đã tăng 7 bậc từ vị trí 106 của năm ngoái lên vị trí 99 trong tổng số 137 quốc gia được Diễn đàn Kinh tế thế giới tiến hành khảo sát. Tuy nhiên, theo Báo cáo khảo sát năm 2018 của Ngân hàng Thế giới, môi trường kinh doanh của Bangladesh vẫn ở vị trí thấp, xếp thứ 177 trong tổng số 190 nền kinh tế.

Theo báo cáo “Thế giới năm 2050” do tổ chức PricewaterhouseCoopers công bố tháng 2/2017, Bangladesh được dự đoán là nền kinh tế có tốc độ phát triển nhanh thứ ba trên thế giới, sau Việt Nam và Ấn Độ trong vòng 34 năm tới. Từ nay đến năm 2050, Bangladesh được dự báo sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng là 4,8%/năm và trở thành nền kinh tế lớn thứ 23 trên thế giới xét về ngang giá sức mua.

**Hình 11: Cơ cấu GDP theo ngành của Bangladesh năm 2017**



**Hình 12: Phân bố lao động theo ngành của Bangladesh năm 2017**



Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

**Bảng 5: Tổng quan kinh tế Bangladesh giai đoạn 2015-2017**

	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>
<b>GDP</b>	597,8 tỷ USD	640,7 tỷ USD	686,5 tỷ USD
<b>Tăng trưởng GDP</b>	6,8%	7,2%	7,1%
<b>GDP theo đầu người</b>	3.700 USD	4.000 USD	4.200 USD
<b>Tỷ lệ lạm phát</b>	6,19%	5,43%	5,78%
<b>Sản phẩm nông nghiệp</b>	Gạo, đay, chè, ngũ cốc, mía, khoai tây, thuốc lá, các loại hạt có dầu, gia vị, trái cây, thịt bò, sữa, thịt gia cầm		
<b>Công nghiệp</b>	Đay, bông, hàng may mặc, giấy, da, phân bón, sắt thép, xi măng, sản phẩm dầu mỏ, thuốc lá, dược phẩm, gốm sứ, trà, muối, đường, dầu ăn, xà phòng và chất tẩy rửa, sản phẩm kim loại chế tạo, điện, khí thiên nhiên		
<b>Kim ngạch nhập khẩu</b>	48,06 tỷ USD	43,17 tỷ USD	48,89 tỷ USD
<b>Mặt hàng nhập khẩu chính</b>	Bông, máy móc và thiết bị, hóa chất, sắt và thép, thực phẩm		
<b>Đối tác nhập khẩu 2016</b>	Trung Quốc (24,3%), Ấn Độ (13,4%), Singapore (5,1%), Nhật Bản (4,5%)		
<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	31,73 tỷ USD	38,18 tỷ USD	40,27 tỷ USD
<b>Mặt hàng xuất khẩu chính</b>	Hàng may mặc, hàng dệt kim, nông sản, thực phẩm đông lạnh (cá và hải sản), đay và hàng đay, da		
<b>Đối tác xuất khẩu 2016</b>	Mỹ (13,1%), Đức (12,7%), Anh (8,6%), Pháp (5,1%), Tây Ban Nha (5%)		

Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

### **5.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam**

- **Quan hệ chính trị:** Hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao từ 11/02/1973 và có mối quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác tốt đẹp. Hai bên tiếp tục củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt; mặc dù không nhiều, song nỗ lực duy trì trao đổi đoàn cấp cao và các cấp. Băng-la-đét gần đây cử nhiều đoàn quan chức sang ta, từ cấp Vụ

trường đến Bộ trưởng, thúc đẩy hợp tác, học tập kinh nghiệm về quản lý hành chính, nông nghiệp và phát triển nông thôn, du lịch và biến đổi khí hậu, trong đó có đoàn của Chủ tịch Đảng Cộng sản Băng-la-đét thăm Việt Nam (19-23/6/2017).

- **Hợp tác kinh tế-thương mại-đầu tư:** Trao đổi thương mại giữa hai nước tăng nhanh giai đoạn 2010-2014 (tăng hơn 2,5 lần, từ 288 triệu USD lên gần 800 triệu USD) và chững lại những năm gần đây (khoảng 620 triệu USD năm 2015 và gần 609 triệu USD năm 2016). Trong năm 2017 kim ngạch thương mại hai chiều đạt hơn 900 triệu USD, trong đó ta xuất siêu 813 triệu USD. Tính đến tháng 8/2018, xuất khẩu của Việt Nam đạt gần 526,7 triệu USD. Các mặt hàng ta xuất chủ yếu là clanke và xi măng, gạo, xơ và sợi dệt các loại, hàng dệt-may, nguyên phụ liệu dệt-may, máy móc, thiết bị, phụ tùng. Ta nhập của Bn nguyên phụ liệu dệt may, da và giày, tân dược, vừng, hàng hải sản và sợi các loại. Hai bên ký gia hạn Bản ghi nhớ về thương mại gạo đến hết năm 2022 (5/2017). Hai bên đang phấn đấu đạt mục tiêu 1 tỷ USD kim ngạch thương mại song phương trong những năm tới. Tiểu ban Thương mại hỗn hợp hai nước đã họp lần thứ nhất tháng 4/2015. Về đầu tư: Tính đến hết tháng 8/2018, Băng-la-đét có 7 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký là 777 nghìn USD, đứng thứ 98/129 nước và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam. Ta có 01 dự án đầu tư sang Băng-la-đét với tổng vốn 27,9 nghìn USD, Băng-la-đét đứng thứ 68/72 quốc gia và vùng lãnh thổ Việt Nam đã đầu tư. Tình hình đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam tại Băng-la-đét có dấu hiệu phát triển tích cực. Hai bên đã phối hợp tổ chức thành công Hội thảo gặp gỡ các doanh nghiệp Băng-la-đét và khai trương Phòng Thương mại và Công nghiệp Băng-la-đét - Việt Nam (3/2017). Bộ Công Thương tổ chức đoàn gần 20 doanh nghiệp Việt Nam thăm Bangladesh, tham dự Hội thảo xúc tiến đầu tư, thương mại tại Dhaka (8/2017).

- **Hợp tác nông nghiệp:** Hai bên tích cực trao đổi đoàn các cấp sang thăm, học tập, trao đổi kinh nghiệm về chính sách phát triển kinh tế, tái định cư và di dân, nuôi trồng thủy sản. Băng-la-đét đang tìm hiểu về cơ hội hợp tác trong lĩnh vực nuôi trai cấy ngọc.

- **Hợp tác văn hóa và giáo dục-đào tạo:** Các hoạt động hợp tác quảng bá văn hóa được tích cực thúc đẩy: Hãng phim truyện Việt Nam tham dự Liên hoan phim quốc tế Dhaka với bộ phim “Nhà tiên tri” (1/2017); Viện Nawab Salimullah hoàn thành dịch và ra mắt cuốn sách “Bác Hồ viết di chúc” bằng tiếng Bangla (6/2017). Về đào tạo: Tính đến nay, Học viện Hành chính Quốc gia của Việt Nam phối hợp với Bộ Hành chính công và Trung tâm Đào tạo Hành chính công Băng-la-đét đã tổ chức tổng cộng 16 khóa đào tạo về hành chính công cho gần 500 cán bộ các cấp của Băng-la-đét tại Việt Nam.

- **Hợp tác tại các diễn đàn khu vực và quốc tế:** Hai nước thường có sự trao đổi, hợp tác khá chặt chẽ tại các diễn đàn quốc tế, nhất là tại Liên hợp quốc.

#### **- Các thỏa thuận đã ký kết với Việt Nam:**

Bản ghi nhớ về thương mại gạo giữa Bộ Công thương Việt Nam và Bộ Lương thực Bangladesh (ký ngày 23/5/2017). Theo đó, Bangladesh sẽ nhập một triệu tấn gạo mỗi năm từ Việt Nam. Bản MoU này có giá trị trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2022) và số lượng gạo nhập khẩu theo từng năm sẽ phụ thuộc vào nhu cầu của Bangladesh.

Bản ghi nhớ về hợp tác Thủy sản và Chăn nuôi giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Bộ Thủy sản và Chăn nuôi Bangladesh giai đoạn 2018 – 2022 (ký ngày 5/3/2018).

Bản ghi nhớ về hợp tác Chế tạo máy giữa Bộ Công thương Việt Nam và Bộ Công nghiệp Bangladesh giai đoạn 2018 – 2022 (ký ngày 5/3/2018).

#### **5.4. Tiềm năng thị trường**

##### **Xuất khẩu đá và vật liệu xây dựng: clanhke, xi măng, sắt thép...**

Đây là lĩnh vực thế mạnh mà các doanh nghiệp Việt Nam cần tiếp tục khai thác. Do địa hình của Bangladesh chủ yếu là đồng bằng, không có các núi đá vôi, trong khi đó, nhu cầu xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, nhà cửa của Bangladesh trong những năm gần đây đang phát triển bùng nổ nhằm phục vụ tăng trưởng kinh tế và nhu cầu dân sinh. Phía Bận đánh giá cao chất lượng đá vôi của Việt Nam.

##### **Viễn thông, điện tử, công nghệ thông tin**

Chính phủ Bangladesh rất coi trọng thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông nhằm thực hiện mục tiêu trở thành quốc gia về công nghệ số vào năm 2030. Chính phủ Bangladesh đã thành lập các Khu Công nghệ cao với nhiều chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này. Thời gian qua, Đại sứ quán Việt Nam tại Bangladesh đã giới thiệu một số cơ hội hợp tác tại thị trường Bangladesh trong lĩnh vực hạ tầng mạng điện thoại di động, cấp quang cho các doanh nghiệp lớn của ta như VNPT và Viettel.

##### **Chế biến thực phẩm, nông, thủy hải sản**

Bangladesh là thị trường đông dân, gạo là thực phẩm chính trong bữa ăn hàng ngày. Ngoài ra, người dân thích ăn đồ ngọt và các đồ chiên rán. Do vậy, các mặt hàng doanh nghiệp Việt Nam có thể đẩy mạnh xuất khẩu là gạo, nước giải khát, sữa, bánh kẹo, dầu ăn... Từ tháng 01/2017, Vinamilk đã xuất khẩu các mặt hàng: sữa bột, sữa tươi, nước ép trái cây... sang Bangladesh. Ngoài ra, một số công ty bánh kẹo khác như Công ty Hữu nghị, Công ty Libra... đã và đang xúc tiến kế hoạch xuất khẩu sang Bangladesh.

## **Cơ khí chế tạo**

Nền kinh tế Bangladesh trong những năm gần đây phát triển với tốc độ nhanh. Điều này kéo theo nhu cầu về các máy móc, thiết bị sản xuất đầu vào phục vụ sản xuất công nghiệp và nông nghiệp tăng cao. Ngoài ra, các phương tiện giao thông cá nhân như ô tô, xe máy cũng đang tăng nhanh do các phương tiện giao thông công cộng không đáp ứng được nhu cầu của người dân. Do vậy, các mặt hàng doanh nghiệp Việt Nam có thể đẩy mạnh xuất khẩu là máy và thiết bị công nghiệp, công cụ và máy nông nghiệp, ô tô, xe máy... Hiện Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam (VEAM) thuộc Bộ Công thương đã ký Hợp đồng xuất khẩu xe thương mại và máy nông nghiệp sang Bangladesh (tháng 2/2018).

### **Sản xuất hàng tiêu dùng (giấy, nhựa, máy lọc nước, ôn áp...)**

Nhu cầu máy lọc nước và máy ôn áp tại Bangladesh là rất lớn do nguồn nước tại các thành phố lớn như Dhaka, Chittagong bị ô nhiễm nặng. Ngoài ra, do thiếu điện nên tình trạng cắt điện hay nguồn điện không ổn định diễn ra khá thường xuyên, gây ảnh hưởng tới sinh hoạt của người dân, cũng như tuổi thọ của các thiết bị điện.

## **6. Thị trường Bờ Biển Ngà**

### **6.1. Các thông tin cơ bản**

**Tên chính thức:** Cộng hòa Côte d'Ivoire, **Thủ đô:** Yamoussoukro

**Diện tích:** 322.463 km<sup>2</sup>, đứng thứ 69 thế giới về diện tích đất liền

**Dân số:** 24,29 triệu người (2017), trong đó 41,1% là người Akan; 17,6% là người Voltaiques/Gur; 27,5% là người Dyulla; 11% là người Krous và 2,8% là các dân tộc khác

**Ngôn ngữ chính:** ngôn ngữ chính thức là tiếng Pháp nhưng Bờ Biển Ngà có rất nhiều thổ ngữ (khoảng 78 ngôn ngữ).

**Tôn giáo:** Hồi giáo (39%); Cơ đốc giáo (33%); Tôn giáo bản địa (12%)

**Đơn vị tiền tệ:** Franc (CFA), 1 USD = 579.57 CFA (tháng 11/2018)

**Múi giờ:** nằm tại châu Phi, múi giờ GMT +0 (lệch 7 tiếng so với Việt Nam)

**Biên giới:** có biên giới giáp với Liberia, Guinea, Mali, Burkina Faso, và Ghana về phía tây, bắc, đông, và nằm bên cạnh Vịnh Guinea về phía nam.

**Đặc điểm tự nhiên:** địa hình được cấu tạo bởi các vùng cao nguyên và núi ở miền Tây; vùng Tây Bắc thoải dần về phía Nam gồm các vùng đồng bằng tràm tích và vùng duyên hải, bờ biển thấp và nhiều cát. Phía Nam chịu ảnh hưởng khí hậu xích đạo tạo điều

kiện thích hợp cho các vùng rừng rậm phát triển và chuyển dần sang các khu rừng thưa và các đồng cỏ nhiệt đới ở phía Bắc.

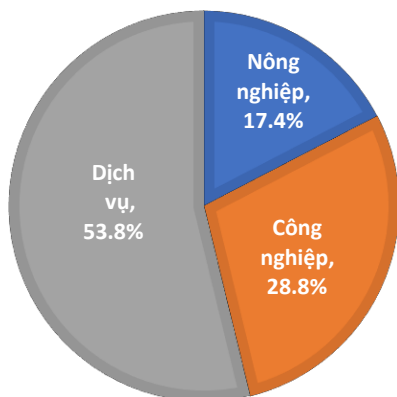
**Thể chế chính trị:** Cộng hòa Tổng thống. Tình hình chính trị ở Bờ Biển Ngà khá bất ổn, sau khi dành được độc lập từ thực dân Pháp, nước này đã trải qua 1 cuộc đảo chính (1999) và 2 cuộc nội chiến (2002-2007) và (2010-2011). Tuy nhiên hiệp định giữa chính phủ mới và nhóm nổi loạn được ký kết năm 2011, đã mang lại hòa bình cho Bờ Biển Ngà

**Ngày nghỉ, lễ tết:** tết Dương lịch, lễ Phục sinh, Quốc tế Lao động, các ngày lễ của Hồi giáo (kết thúc lễ Ramadan, lễ Eid Al-Adha, ngày sinh của nhà tiên tri Muharram...) có thể lên tới 10 ngày, Giáng sinh

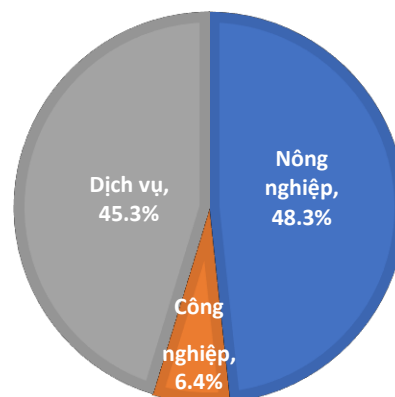
## 6.2. Tình hình kinh tế

Bờ Biển Ngà phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp và các ngành phụ trợ. Bờ Biển Ngà là nhà xuất khẩu hàng đầu thế giới về ca cao, cà phê, dầu cọ và từ vài năm nay nước này còn có thêm nguồn thu xuất khẩu từ dầu lửa ngoài khơi. Tuy nhiên, thu nhập của Bờ Biển Ngà vẫn dựa chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp (70% dân số sống bằng nghề nông) và chính vì vậy, nền kinh tế Bờ Biển Ngà phụ thuộc lớn vào sự dao động của giá cả nguyên liệu thế giới và thời tiết. Nền công nghiệp của Bờ Biển Ngà cũng khá phát triển như: sản xuất lương thực, đồ uống, sản phẩm gỗ, lọc dầu, khai khoáng, lắp ráp ô tô, dệt may, phân bón, vật liệu xây dựng... Kinh tế Bờ Biển Ngà những năm gần đây tăng trưởng khá, đạt tốc độ trung bình 8% trong giai đoạn 2013-2016.

**Hình 13: Cơ cấu GDP theo ngành của Bờ Biển Ngà năm 2017**



**Hình 14: Phân bố lao động theo ngành của Bờ Biển Ngà năm 2017**



Nguồn: Index Mundi và Global EDGE



**Bảng 6: Tổng quan kinh tế Bờ Biển Ngà giai đoạn 2015-2017**

	2015	2016	2017
<b>GDP</b>	83,04 tỷ USD	89,44 tỷ USD	96,27 tỷ USD
<b>Tăng trưởng GDP</b>	8,84%	8,34%	7,8%
<b>GDP theo đầu người</b>	3.451 USD	3.693 USD	3.953 USD
<b>Tỷ lệ lạm phát</b>	1,25%	0,72%	0,69%
<b>Sản phẩm nông nghiệp</b>	Cà phê, hạt ca cao, chuối, hạt nhân cọ, bắp, gạo, sắn (khoai mì), khoai tây ngọt, đường, bông, cao su, gỗ		
<b>Công nghiệp</b>	Thực phẩm, đồ uống, gỗ, dầu tinh chế, lắp ráp xe tải và xe buýt, dệt may, phân bón, vật liệu xây dựng, điện, đóng và sửa chữa tàu biển		
<b>Kim ngạch nhập khẩu</b>	8,65 tỷ USD	7,33 tỷ USD	7,83 tỷ USD
<b>Mặt hàng nhập khẩu chính</b>	Nhiên liệu, thực phẩm		
<b>Đối tác nhập khẩu 2016</b>	Pháp (13,5%), Nigeria (13,3%), Trung Quốc (11,8%), US (4,2%)		
<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	11,73 tỷ USD	10,67 tỷ USD	11,78 tỷ USD
<b>Mặt hàng xuất khẩu chính</b>	Ca cao, cà phê, gỗ, xăng dầu, bông, chuối, dứa, dầu cọ, cá, điều		
<b>Đối tác xuất khẩu 2016</b>	Hà Lan (11,3%), US (7,4%), Pháp (6,8%), Bỉ (6,1%), Đức (5,2%), Ấn Độ (5,1%), Burkina Faso (4,6%), Mali (4,5%), Thụy Sĩ (4,1%)		

Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

### **6.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam**

- **Quan hệ chính trị:** Việt Nam và Bờ Biển Ngà lập quan hệ ngoại giao ngày 6/10/1975, nhưng từ đó đến nay quan hệ hai nước hạn chế. Hai nước phối hợp tốt trên các diễn đàn quốc tế, bạn ủng hộ ta ứng cử Ủy viên không thường trực HĐBA/LHQ (2020-2021, đổi lại ta ủng hộ bạn ứng cử Ủy viên không thường trực HĐBA/LHQ 2018-2019).

+ **Trao đổi đoàn từ Việt Nam:** Thứ trưởng Bộ Công Thương Lê Dương Quang và đoàn doanh nghiệp Việt Nam (2008), Đoàn nghiên cứu chính sách và xúc tiến thương mại gồm đại diện của Bộ Công Thương, Sở Công Thương tỉnh Long An và 10 doanh nghiệp (2010), Thứ trưởng Ngoại giao Nguyễn Phương Nga (5/2014), Thứ trưởng Ngoại giao Vũ Hồng Nam (4/2017); Bạn: Đoàn công tác của Hiệp hội Bông và Điều Bờ Biển Ngà (3/2014, 2/2016). Tháng 11/2016, bên lề HNTĐ Pháp ngữ lần thứ 16 tại Ma-đa-gát-xca, tại cuộc tiếp xúc giữa Chủ tịch nước Trần Đại Quang và Thủ tướng Bờ Biển Ngà D. K. Duncan, Bờ Biển Ngà đánh giá cao năng lực và kết quả kinh doanh của một số doanh nghiệp Việt đang làm ăn tại Bờ Biển Ngà, mong muốn hai nước thúc đẩy hợp tác về điều và cacao.

+ **Các văn bản ký kết:** Bản ghi nhớ hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao (5/2014); Hiệp định miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và công vụ (18/4/2017); Thông cáo chung nhân chuyến thăm BBN của Thứ trưởng Ngoại giao Vũ Hồng Nam (19/4/2017).

+ Hiện có khoảng 300 người Việt Nam đang sinh sống và làm việc tại Bờ Biển Ngà.

#### - **Quan hệ kinh tế:**

+ **Thương mại:** Bờ Biển Ngà là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam tại châu Phi với kim ngạch năm 2017 đạt 1,018 tỷ USD, trong đó ta xuất 126,6 triệu USD và nhập 892,1 triệu USD (chủ yếu là điều và bông).

+ **Đầu tư:** Việt Nam hiện có 01 dự án đầu tư sang Bờ Biển Ngà với tổng vốn đầu tư 895.000 USD là dự án Công ty cổ phần Long Sơn, cấp phép 2016, hoạt động trong lĩnh vực chế biến, phân phối, xuất nhập khẩu hạt điều thô.

+ **Nông nghiệp:** Hiện bạn mong muốn hợp tác chuyển giao công nghệ chế biến điều thô và đề nghị Việt Nam đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến điều tại Bờ Biển Ngà. Đồng thời, Hiệp hội Bông và Điều Bờ Biển Ngà đang xúc tiến thành lập một văn phòng đại diện đặt tại Tp. HCM.

### **6.4. Tiềm năng thị trường**

#### ***Về xuất khẩu***

**Gạo:** Mỗi năm, Bờ Biển Ngà phải nhập khẩu khoảng 900.000 tấn gạo để đáp ứng nhu cầu trong nước. Từ nhiều năm nay, gạo luôn là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang Bờ Biển Ngà chiếm đến 95% tổng kim ngạch xuất khẩu của ta sang thị trường này với kim ngạch 201,5 triệu USD trong 10 tháng đầu năm 2012. Thị phần gạo Việt Nam ngày càng được mở rộng, dự báo chiếm khoảng 50% tổng lượng gạo nhập khẩu của Bờ Biển Ngà năm 2012. Trong thời gian tới, gạo vẫn tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu chính của ta

sang Bờ Biển Ngà do nước này chưa thể sản xuất đủ lương thực và người dân Bờ Biển Ngà cũng như doanh nghiệp nhập khẩu gạo đã quen với gạo Việt Nam.

**Sản phẩm dệt may:** Mỗi năm, nước này nhập khẩu khoảng 400 triệu USD hàng dệt may từ các nước trên thế giới. Nếu như năm 2007, doanh nghiệp Việt Nam mới chỉ xuất khẩu sang Bờ Biển Ngà 50.208 USD hàng quần áo, thì đến năm 2010, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đã tăng rất mạnh, đạt 9,3 triệu USD. Mặc dù 2 năm trở lại đây kim ngạch có giảm song dệt may vẫn đứng ở vị trí thứ hai trong số các mặt hàng xuất khẩu chính sang Bờ Biển Ngà. 10 tháng đầu năm nay, kim ngạch xuất khẩu dệt may đạt 1,74 triệu USD.

**Chất dẻo nguyên liệu:** Mỗi năm, quốc gia Tây Phi này phải nhập khẩu từ 286 triệu USD đến 300 triệu USD chất dẻo và sản phẩm chất dẻo với mức tăng trưởng bình quân 10,4%. Chất dẻo nguyên liệu cũng là mặt hàng luôn có mặt trong top 3 các sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam sang Bờ Biển Ngà. Kim ngạch xuất khẩu đã không ngừng tăng từ 523.900 USD năm 2007 lên 2,8 triệu USD năm 2011. 10 tháng đầu năm 2012, kim ngạch xuất khẩu chất dẻo nguyên liệu sang thị trường này đạt 2,48 triệu USD.

**Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện:** Năm 2011, tổng giá trị nhập khẩu nhóm hàng này của Bờ Biển Ngà vào khoảng 400 triệu USD, với mức tăng trưởng 29%/năm. Năm 2009, Việt Nam bắt đầu xuất khẩu mặt hàng này sang Bờ Biển Ngà với giá trị 423.564 USD. Đến năm 2011, kim ngạch đạt 1,2 triệu USD. 10 tháng đầu năm 2012, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này sang Bờ Biển Ngà đạt 1,93 triệu USD.

**Sắt thép:** Bờ Biển Ngà nhập khẩu trung bình mỗi năm khoảng 125 triệu USD sản phẩm sắt, thép và gang. Trong những năm tới, để phục vụ công cuộc tái thiết đất nước sau cuộc nội chiến vừa qua, nhu cầu nhập khẩu nhóm sản phẩm này dự báo sẽ tăng cao. Năm 2008, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm sắt thép và gang của Việt Nam sang Bờ Biển Ngà đạt mức 4,5 triệu USD, đến năm 2010 kim ngạch giảm xuống còn 1,5 triệu USD.

**Xe ô tô và linh kiện:** Năm 2011, tổng kim ngạch nhập khẩu ô tô và linh kiện của Bờ Biển Ngà đạt 246 triệu USD, tăng trưởng 30% so với năm 2010. Năm 2009, Việt Nam đã xuất khẩu sang thị trường này 1,36 triệu USD gồm linh kiện phụ tùng và săm lốp ô tô, mức cao nhất trong các năm cho đến nay.

**Các mặt hàng khác:** Một số mặt hàng tuy mới xuất hiện và giá trị nhỏ nhưng lại có kim ngạch xuất khẩu tăng liên tục như hải sản, bánh kẹo, hạt tiêu, sản phẩm gỗ, máy móc thiết bị phụ tùng, túi xách, vali, mũ, ô dù...

### ***Về nhập khẩu***

10 tháng đầu năm nay, mặc dù kim ngạch nhập khẩu chỉ đạt 121,5 triệu USD, giảm 26% so với cùng kỳ năm ngoái song Bờ Biển Ngà đã vươn lên từ vị trí thứ 2 lên số 1 trong số các nước cung cấp hàng hóa cho Việt Nam với các sản phẩm chính là hạt điều 80,54 triệu USD, bông các loại 30,4 triệu USD, sắt thép phế liệu 2,3 triệu USD, cao su 1,5 triệu USD, gỗ và sản phẩm gỗ 1,2 triệu USD...

**Điều thô:** Bờ Biển Ngà là quốc gia cung cấp điều thô lớn nhất của Việt Nam tại châu Phi với sản lượng gần 400.000 tấn/năm. Hạt điều thô là mặt hàng nhập khẩu quan trọng nhất của Việt Nam trong thời gian qua, thường chiếm từ 70 đến 80% tổng kim ngạch nhập khẩu của ta từ thị trường này. Giá trị nhập khẩu hạt điều đã tăng rất mạnh từ 16,6 triệu USD năm 2007 lên 149,2 triệu USD năm 2011. 10 tháng đầu năm nay, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của Việt Nam đạt 80,5 triệu USD.

**Bông:** Mỗi năm, trung bình, Bờ Biển Ngà xuất khẩu 120.000 tấn bông. Các doanh nghiệp Việt Nam đánh giá bông của Bờ Biển Ngà có chất lượng tốt nhất châu Phi. Bông là mặt hàng chiếm tỷ trọng từ 10-12% tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam từ Bờ Biển Ngà. Những năm gần đây, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này tăng mạnh, từ 7,8 triệu USD năm 2007 lên 32,1 triệu USD năm 2010, và 16,8 triệu USD năm 2011. 10 tháng đầu năm nay, kim ngạch nhập khẩu bông của Việt Nam từ Bờ Biển Ngà đạt 27,8 triệu USD.

**Gỗ và sản phẩm gỗ:** Ở Châu Phi, Bờ Biển Ngà là quốc gia có diện tích rừng gỗ teck rộng 52.000 ha, lớn thứ hai sau Nigeria (70.000 ha). Trung bình mỗi năm, nước này thu được từ 500-600 triệu USD từ việc xuất khẩu gỗ. Kim ngạch nhập khẩu gỗ của Việt Nam từ Bờ Biển Ngà có xu hướng giảm. Sau khi đạt 11,8 triệu USD năm 2008, giá trị nhập khẩu chỉ đạt 2,3 triệu USD năm 2011. 10 tháng đầu năm nay, kim ngạch nhập khẩu gỗ của Việt Nam từ Bờ Biển Ngà chỉ đạt 1,26 triệu USD chủ yếu là gỗ teck.

**Sắt thép phế liệu** cũng là một mặt hàng ta thường xuyên nhập khẩu từ Bờ Biển Ngà. Năm 2011, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này đạt 2,1 triệu USD. 10 tháng đầu năm nay, kim ngạch nhập khẩu sắt thép phế liệu của Việt Nam từ Bờ Biển Ngà chỉ đạt 2,34 triệu USD.

**Cao su:** Bờ Biển Ngà là nước sản xuất cao su lớn nhất châu Phi với sản lượng 205.000 tấn/năm. Việt Nam mới bắt đầu nhập khẩu cao su từ Bờ Biển Ngà năm 2008 đạt 181 tấn, trị giá 347.276 USD. 10 tháng đầu năm 2012, kim ngạch nhập khẩu tăng lên 1,5 triệu USD.

## **7. Thị trường Iraq**

### **7.1. Các thông tin cơ bản**

**Tên chính thức:** Cộng hòa Iraq, **Thủ đô:** Bagdad

**Diện tích:** 437.072 km<sup>2</sup>, đứng thứ 58 thế giới về diện tích đất liền

**Dân số:** 38,27 triệu người (2017), trong đó khoảng 75% là người Ả Rập, dân tộc người thiểu số chính là người Kurd (15%) sống tại khu vực miền bắc nước này

**Ngôn ngữ chính:** tiếng Ả Rập, tiếng Kurd.

**Tôn giáo:** Hồi giáo Shia (64,5%)/ Sunni (31,4%), Yazidi (2%), Công giáo (1,2%)

**Đơn vị tiền tệ:** Dinar (IQD), 1 USD = 1188,3 CFA (tháng 11/2018)

**Múi giờ:** nằm tại Trung Đông, múi giờ GMT +3 (lệch 4 tiếng so với Việt Nam)

**Biên giới:** giáp với Ả Rập Xê Út, Kuwait về phía nam, Thổ Nhĩ Kỳ về phía bắc, Syria về phía tây bắc, Jordan về phía tây, và Iran về phía đông

**Đặc điểm tự nhiên:** phần lớn đất đai Iraq là sa mạc, nhưng khu vực giữa hai con sông lớn Euphrates và Tigris là đất màu mỡ. Phía bắc đất nước là khu vực miền núi rộng lớn, phía nam có bờ biển ngấn nhìn ra vịnh Ba Tư. Khí hậu phần lớn là khí hậu miền xa mạc với mùa đông ôn đới lạnh và mùa hè khô, nóng, ít mưa. Vùng núi phía bắc có mùa đông lạnh, thỉnh thoảng có nhiều tuyết rơi có thể gây ngập lụt.

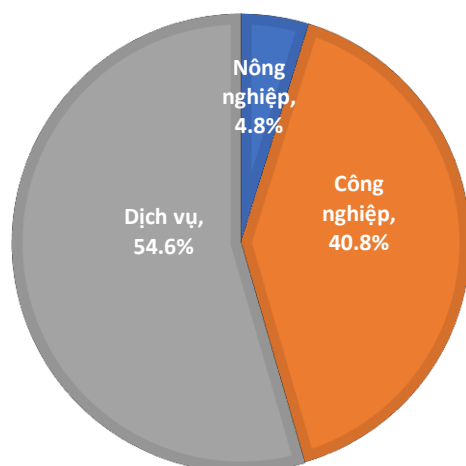
**Thế chế chính trị:** Cộng hòa Tổng thống. Chính trị Iraq khá bất ổn, sau khi Mỹ lật đổ chính quyền độc tài của tổng thống Saddam Hussein năm 2003, xung đột giữa hai dòng Sunni và Shia liên tục xảy ra. Xung đột không chỉ xảy ra giữa hai dòng Hồi giáo, mà còn xảy ra giữa nhóm vũ trang cực đoan (ISIL) với các tôn giáo thiểu số tại nước này như Yazidis. Năm 2017, dân tộc thiểu số chính là người Kurd đã tổ chức một cuộc trưng cầu ý dân về việc nhóm người này tách khỏi Iraq (mà không được sự đồng thuận của chính phủ Iraq), kết quả tỷ lệ ủng hộ lên đến hơn 92%.

**Ngày nghỉ, lễ tết:** tết Dương lịch; Quốc tế Lao động, các ngày lễ của Hồi giáo (kết thúc lễ Ramadan, lễ Eid Al-Adha, ngày sinh của nhà tiên tri Muharram...) có thể lên tới 10 ngày; Quốc khánh (3/10); ngày chiến thắng (10/12).

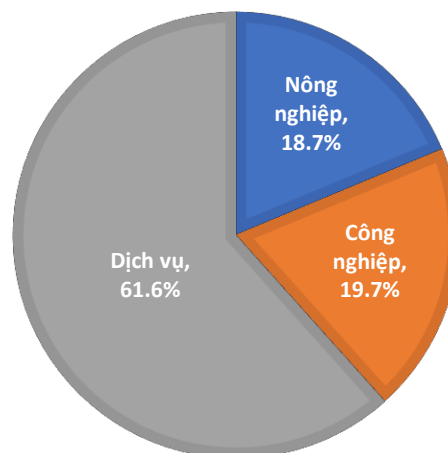
## **7.2. Tình hình kinh tế**

Dù là nước có trữ lượng giàu mỏ lớn thứ 2 thế giới nhưng nền kinh tế Iraq trong 10 năm trở lại đây hầu như không phát triển do nhiều xung đột trong nước. Kinh tế Iraq phụ thuộc chủ yếu vào dầu thô, chiếm 90% tổng nguồn thu của chính phủ và 80% nguồn thu ngoại hối của nước này. Dù có vùng đồng bằng màu mỡ nằm giữa sông Ti-gơ-rơ và sông Ô-phơ-rát, nhưng sản xuất nông nghiệp của nước này vẫn không đủ cung cấp trong nước và thường phải nhập khẩu thực phẩm từ nước ngoài.

**Hình 15: Cơ cấu GDP theo ngành của Iraq năm 2017**



**Hình 16: Phân bố lao động theo ngành của Iraq năm 2017**



Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

**Bảng 7: Tổng quan kinh tế Iraq giai đoạn 2015-2017**

	2015	2016	2017
<b>GDP</b>	598 tỷ USD	663,7 tỷ USD	660,7 tỷ USD
<b>Tăng trưởng GDP</b>	4,8%	11%	-0,78%
<b>GDP theo đầu người</b>	16.050 USD	17.516 USD	17.198 USD
<b>Tỷ lệ lạm phát</b>	1,39%	0,53%	0,18%
<b>Sản phẩm nông nghiệp</b>	Lúa mì, lúa mạch, gạo, rau, quả chà là, bông, bò, cừu, gia cầm		
<b>Công nghiệp</b>	Dầu khí, hóa chất, dệt may, da, vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm, phân bón, chế tạo kim loại		
<b>Kim ngạch nhập khẩu</b>		19,57 tỷ USD	36,47 tỷ USD
<b>Mặt hàng nhập khẩu chính</b>	Thực phẩm, dược phẩm		

<b>Đối tác nhập khẩu 2016</b>	Trung Quốc (26,9%), Thổ Nhĩ Kỳ (26,6%), Hàn Quốc (5%), Mỹ (4,4%)		
<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>		28,36 tỷ USD	56,74 tỷ USD
<b>Mặt hàng xuất khẩu chính</b>	Dầu thô, nhiên liệu thô, thực phẩm và động vật sống		
<b>Đối tác xuất khẩu 2016</b>	Trung Quốc (21,9%), Ấn Độ (20,6%), Mỹ (12,3%), Hàn Quốc (10,3%), Ý (6,8%), Hy Lạp (5,4%)		

Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

### 7.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam

- **Quan hệ chính trị:** Ngày 10/7/1968, ta và Iraq thiết lập quan hệ ngoại giao ở cấp đại sứ. Năm 1978 ta lập quan hệ Đảng với Đảng cầm quyền Iraq (Đảng Baath). Iraq tích cực ủng hộ và giúp đỡ nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Sau chiến tranh Iraq năm 2003, Chính quyền mới tại Iraq tiếp tục khẳng định coi trọng quan hệ với Việt Nam.

- **Quan hệ kinh tế:** Đến nay, Việt Nam đã trả cho phía Iraq 15 triệu trong tổng số 32 triệu USD ta nợ Bạt. Theo thỏa thuận, ta sẽ thanh toán nốt cho phía Iraq 17 triệu USD bằng hàng hóa. Tuy nhiên, do việc thanh toán bằng hàng hóa gặp nhiều khó khăn, Bộ Tài chính ta đang dự kiến kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho thanh toán nốt số nợ còn lại bằng tiền.

- **Các hiệp định/thỏa thuận đã ký:** Hiệp định trao đổi thương mại và hợp tác kinh tế, khoa học, kỹ thuật (1977); Hiệp định hợp tác văn hoá (1979); Hiệp định vay nợ bằng dầu thô (1975 và 1976); Hiệp định vay nợ tiền mặt (1979); Hiệp định tại chính về vấn đề trả nợ (1990); Hiệp định Lãnh sự (1990); Hiệp định miễn thị thực cho HC Ngoại giao và Công vụ (12/2001); Thoả thuận xoá nợ gốc còn lại cho Việt Nam (3/2002).

## 8. Thị trường Singapo

### 8.1. Các thông tin cơ bản

**Tên chính thức:** Cộng hoà Singapore, **Thủ đô:** Singapore

**Diện tích:** 692,7 km<sup>2</sup>, gồm 64 đảo, 1 đảo lớn và 63 đảo nhỏ

**Dân số:** 5,612 triệu người (2017), trong đó 74,2% là người Hoa; 13,3% là người Malay; 9,2% là người Ấn Độ

**Ngôn ngữ chính:** tiếng Anh, tiếng Mã Lai, tiếng Quan Thoại, tiếng Tamil

**Tôn giáo:** Phật giáo (33,2%), Cơ đốc giáo (18,8%), không tôn giáo (18,5%); Hồi giáo (14%); Đạo giáo và tôn giáo truyền thống Trung Hoa (10%) và Ấn Độ giáo (5%)

**Đơn vị tiền tệ:** Singapore Dollar (SGD), 1 USD = 1,38 SGD (tháng 11/2018)

**Múi giờ:** nằm tại Đông Nam Á, múi giờ GMT +8 (lệch 1 tiếng so với Việt Nam)

**Biên giới:** là quốc đảo, tách biệt với Malaysia bán đảo qua eo biển Johor ở phía bắc, và tách biệt với quần đảo Riau của Indonesia qua eo biển

**Đặc điểm tự nhiên:** Singapore là quốc gia đô thị hóa cao độ, chỉ còn lại ít thảm thực vật nguyên sinh. Lãnh thổ của Singapore liên tục mở rộng thông qua hoạt động cải tạo đất. Khí hậu của Singapore là khí hậu nhiệt đới, nóng, độ ẩm cao và lượng mưa nhiều do vị trí của đảo nằm ngoài hải dương và gần đường xích đạo

**Thể chế chính trị:** Cộng hòa Nghị viện

**Ngày nghỉ, lễ tết:** tết Dương lịch, tết Âm lịch, ngày Good Friday (thứ 6 trước lễ Phục Sinh), Quốc tế Lao động, lễ Phật đản, các lễ của Hồi giáo và Ấn Độ giáo (khoảng 3 ngày), Quốc khánh (9/8), Giáng sinh

## 8.2. Tình hình kinh tế

Singapore hầu như không có tài nguyên, nguyên liệu đều phải nhập từ bên ngoài, hàng năm phải nhập lương thực, thực phẩm để đáp ứng nhu cầu ở trong nước.

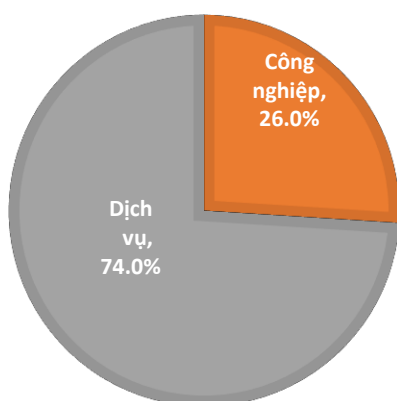
Singapore có cơ sở hạ tầng và một số ngành công nghiệp phát triển cao hàng đầu Châu Á và thế giới như: cảng biển, công nghiệp đóng và sửa chữa tàu, công nghiệp lọc dầu, chế biến, điện tử và lắp ráp máy móc tinh vi.

Singapore có nền kinh tế thị trường tự do phát triển cao và rất thành công. Singapore được hưởng một môi trường kinh tế mở cửa và không có tham nhũng, giá cả ổn định, và thu nhập bình quân trên đầu người cao hơn so với hầu hết các nước phát triển khác. Nền kinh tế phụ thuộc rất nhiều vào xuất khẩu, đặc biệt là các thiết bị điện tử tiêu dùng, sản phẩm công nghệ thông tin, dược phẩm, và lĩnh vực dịch vụ tài chính. GDP thực tế tăng trưởng trung bình 7,1% từ năm 2004 - 2007. Nền kinh tế sụt giảm 0,8% trong năm 2009 do hệ quả của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhưng lại hồi phục 14,5% trong năm 2010 và 5,3% trong năm 2011, với sức mạnh của xuất khẩu. Về lâu dài, Chính phủ hy vọng sẽ thiết lập một lộ trình tăng trưởng mới tập trung vào nâng cao năng suất. Singapore đã thu hút được đầu tư lớn vào sản xuất dược phẩm và công nghệ y tế và sẽ tiếp tục nỗ lực để thiết lập Singapore là trung tâm tài chính và công nghệ cao của khu vực Đông Nam Á.

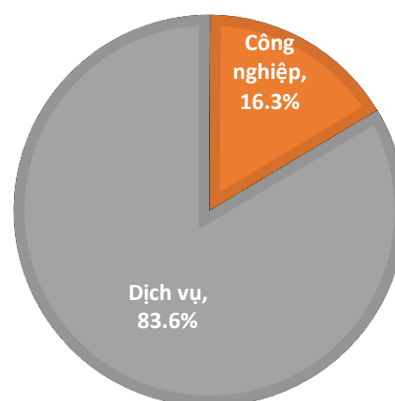


Chính phủ Singapore đang nỗ lực tái cơ cấu nền kinh tế, dần xóa bỏ phụ thuộc vào lao động nước ngoài, nâng cao năng suất lao động và tăng lương cho người dân. Singapore thu hút được đầu tư lớn trong ngành dược phẩm, công nghệ y tế và đang nỗ lực củng cố vị trí trung tâm tài chính và công nghệ cao hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

**Hình 17: Cơ cấu GDP theo ngành của Singapo năm 2017**



**Hình 18: Phân bố lao động theo ngành của Singapo năm 2017**



Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

**Bảng 8: Tổng quan kinh tế Singapo giai đoạn 2015-2017**

	2015	2016	2017
<b>GDP</b>	481 tỷ USD	499 tỷ USD	527 tỷ USD
<b>Tăng trưởng GDP</b>	2,24%	2,4%	3,62%
<b>GDP theo đầu người</b>	87.043 USD	89.103 USD	93.905 USD
<b>Tỷ lệ lạm phát</b>	-0,52%	-0,53%	0,58%
<b>Sản phẩm nông nghiệp</b>	Rau quả, trứng, cá, hoa phong lan, cá cảnh		
<b>Công nghiệp</b>	Điện tử, hóa chất, dịch vụ tài chính, thiết bị khoan dầu, lọc dầu, sản phẩm cao su và chế biến cao su, thực phẩm chế biến và đồ uống, sửa chữa tàu, xây dựng, xây dựng khu đánh bắt xa bờ, công nghệ sinh học, thầu khoán		
<b>Kim ngạch nhập khẩu</b>	296,74 tỷ USD	278,8 tỷ USD	309,7 tỷ USD
<b>Mặt hàng nhập khẩu chính</b>	Máy móc, thiết bị, nhiên liệu khoáng sản, hóa chất, thực phẩm, hàng tiêu dùng		

<b>Đối tác nhập khẩu 2017</b>	Trung Quốc (14%); Malaysia (11,9%); Mỹ (10,6%); Nhật Bản (6,3%); Hàn Quốc (4,9%); Indonesia (4,6%); Đức (2,9%); Thụy Sĩ (2,8%); Ả Rập Sê Út (2,8%); Pháp (2,7%)		
<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	346,63 tỷ USD	361,6 tỷ USD	396,4 tỷ USD
<b>Mặt hàng xuất khẩu chính</b>	Máy móc, thiết bị, dược phẩm, hóa chất khác, sản phẩm dầu mỏ tinh chế, thực phẩm và đồ uống		
<b>Đối tác xuất khẩu 2017</b>	Trung Quốc (14%); Hồng Kông (12%); Malaysia (11%); Indonesia (7,5%); Mỹ (6,5%); Nhật Bản (4,6%); Hàn Quốc (4,5%); Thái Lan (3,9%); Việt Nam (3,3%); Ấn Độ (3%)		

Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

### 8.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam

- **Quan hệ chính trị:** Việt Nam và Singapore chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao vào 01/8/1973. Kể từ 1991, đặc biệt từ khi Việt Nam là thành viên ASEAN (1995), quan hệ hai nước phát triển nhanh chóng. Singapore coi trọng quan hệ với Việt Nam và Việt Nam trở thành một trong những thị trường chính về thương mại, đầu tư của Singapore ở Đông Nam Á. Năm 2004, hai nước đã ký "Tuyên bố chung về Khuôn khổ Hợp tác Toàn diện trong thế kỷ 21", tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt giữa hai nước. Tháng 9/2013, nhân chuyến thăm của Thủ tướng Lý Hiển Long tới Việt Nam và kỉ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, hai bên đã ra Tuyên bố chung về thiết lập quan hệ Đối tác Chiến lược Việt Nam-Singapore.

- **Quan hệ kinh tế thương mại:**

+ **Về thương mại:** từ 1996 đến nay, Singapore luôn là một trong những đối tác lớn nhất của Việt Nam. Kim ngạch thương mại hai nước tăng theo từng năm: năm 2005 - 6,4 tỷ; năm 2006 - 7,7 tỷ USD; năm 2007 - 9,8 tỷ USD; năm 2008 - 12 tỷ USD; năm 2009 - 5,8 tỷ USD; năm 2010 - 6,2 tỷ USD; năm 2011 - 8,7 tỷ USD; năm 2012 - 9,6 tỷ USD; năm 2013 đạt gần 9 tỷ USD; năm 2014 đạt xấp xỉ 9,8 tỉ USD; năm 2015 đạt 9.2 tỉ USD; 2016 đạt 7.1 tỉ USD, 5 tháng đầu năm 2017 đạt 3,3 tỷ. Ta luôn nhập siêu. Các sản phẩm chủ yếu giữa hai nước là xăng dầu (ta xuất gạo dầu thô, phương tiện vận tải và phụ tùng; nhập xăng dầu thành phẩm), máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, điện thoại; ngoài ra, ta xuất các sản phẩm thủy sản, cà phê, hạt tiêu, rau quả... nhưng thị phần không lớn.

+ **Đầu tư:** đầu tư trực tiếp từ Singapore vào Việt Nam liên tục tăng từ năm 1998. Singapore tiếp tục là nhà đầu tư lớn của Việt Nam (đứng thứ 3/101) với hơn 1800 dự án, tổng vốn 39 tỉ USD. Singapore chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản, công nghiệp chế biến, chế tạo, xây dựng. Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore (VSIP) là một biểu tượng cho tính hiệu quả của các dự án đầu tư của Singapore, đã hoạt động được hơn 11 năm với 7 khu VSIP. Các dự án đầu tư của Singapore được đánh giá hiệu quả, triển khai nhanh, tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu trong chuyển dịch kinh tế vùng miền của Việt Nam. Hai nước kỷ niệm 20 năm thiết lập VSIP tại Bình Dương (9/2016). Việt Nam có 65 dự án sang Singapore, tổng vốn 24 triệu, chủ yếu trong lĩnh vực dầu khí, khai khoáng, bán lẻ, công nghệ thông tin, dịch vụ.

- **Hợp tác giáo dục-đào tạo:** Hai nước đã ký nhiều biên bản ghi nhớ, hợp tác về giáo dục. Hằng năm, chính phủ Singapore đều trao học bổng cho sinh viên Việt Nam.

- **Hợp tác văn hóa, thể thao và du lịch:** Singapore là thị trường du lịch quan trọng của Việt Nam, đồng thời là địa điểm du lịch hấp dẫn của du khách Việt Nam. Từ 2006, hợp tác du lịch được đưa vào khuôn khổ kết nối hai nền kinh tế Việt Nam-Singapore. Tổng cục Thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã ký Thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Y tế Singhealth Singapore (2013) với nội dung khai thác phối hợp trong các lĩnh vực khoa học và y tế thể thao, chú trọng công tác chữa trị và điều trị trân thương cho vận động viên.

- **Hợp tác xuất khẩu cát nhiễm mặn:** hai bên đã ký Bản ghi nhớ giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ Phát triển Quốc gia Singapore (12/9/2013), với 3 lĩnh vực: Khuôn khổ cho việc nạo vét và xuất khẩu cát nhiễm mặn sang Singapore; Xây dựng năng lực kỹ thuật và hướng dẫn đánh giá tác động môi trường tại Việt Nam; Cơ chế liên hệ và trao đổi về việc nhập khẩu cát nhiễm mặn của Singapore. Hai bên đã thành lập Nhóm Công tác chung để triển khai MOU này.

- **Giao thông-vận tải:** hợp tác tốt trong cả lĩnh vực hàng không, hàng hải và giao thông đường bộ. Hàng không: năm 2013 đạt 1.76 triệu lượt khách, tăng 1.7% so với 2012; đã có các đường bay thẳng từ Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng và Phú Quốc (mở tháng 11/2014) đi Singapore. Năm 2016, Việt Nam đón 257.014 lượt khách Singapore, tăng 8.7% so với 2015; khách Việt Nam đến Singapore đạt 470 nghìn lượt, tăng 12% so với 2015. Hàng hải: hai bên chia sẻ quy hoạch tổng thể phát triển cảng biển, lựa chọn cảng phù hợp tiến hành hợp tác kết nối cảng biển (phát triển, quản lý và khai thác các bến cảng); liên doanh xây dựng, quản lý cảng Thị Vải (Bà Rịa – Vũng Tàu).

- Cộng đồng người Việt tại Singapore: hiện có khoảng 12.000 người, trong đó có 9000 sinh viên, còn lại là công nhân tại các khu công nghiệp (lắp ráp điện tử, chế biến), chuyên

gia - trí thức và một số ít cô dâu. Nhìn chung cộng đồng người Việt tại Singapore hòa nhập với xã hội, tuân thủ pháp luật và được tạo điều kiện sinh sống tốt.

- **Các FTA chính Singapore đang tham gia hiện nay:** CPTPP; ASEAN-Australia, Newzealand; ASEAN-China; ASEAN-Ấn Độ; ASEAN-Nhật Bản; ASEAN-Hàn Quốc; ASEAN FTA; Trung Quốc- Singapore; EFTA-Singapore; GCC-Singapore; Ấn Độ – Singapore; Hàn Quốc – Singapore; Newzealand – Singapore; Panama – Singapore; Peru – Singapore; Australia – Singapore; Singapore – Costa Rica; Singapore – Jordan; Singapore – Sri Lanka; Singapore – Thổ Nhĩ Kỳ; Singapore – Mỹ. Ngoài ra, Singapore đang đàm phán 1 số hiệp định FTA lớn: RCEP, Singapore – EU...

- **Đầu tư:** Theo số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, trong năm 2017, Singapore đầu tư 165 dự án cấp mới trị giá 3,3 tỷ USD; 67 lượt tăng vốn với số vốn đăng ký tăng thêm đạt 834,5 triệu USD; 283 lượt góp vốn mua cổ phần trị giá 611,3 triệu USD; tổng số vốn đăng ký đầu tư 11 tháng đạt 4,7 tỷ USD. Luỹ kế đến nay, Singapore đã đầu tư 1.957 dự án, trị giá 41,9 tỷ USD, đứng thứ 3 trong các nước và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới có đầu tư vào Việt Nam.

Dòng vốn FDI của Singapore đã chảy vào 18/21 ngành kinh tế của Việt Nam. Trong đó, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm khoảng 45-50% tổng vốn đầu tư của doanh nghiệp Singapore tại Việt Nam. Đứng thứ 2 là hoạt động kinh doanh bất động sản chiếm khoảng 30-35% tổng số vốn đầu tư của doanh nghiệp Singapore tại Việt Nam.

Hiện các nhà đầu tư Singapore đã đầu tư tại 46/63 tỉnh, thành phố của Việt Nam. Nếu như trước đây, đầu tư của Singapore tại Việt Nam chỉ tập trung tại một số tỉnh, thành phố lớn, có điều kiện hạ tầng kinh tế – xã hội thuận lợi như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Bình Dương... thì những năm gần đây địa bàn đầu tư của các doanh nghiệp Singapore tại Việt Nam đang dần trải rộng tại nhiều tỉnh thành khác như Nghệ An, Thái Nguyên, Thanh Hóa...

#### **- Các Thỏa thuận hai bên đã ký kết**

Hiệp Định Thương Mại Giữa Chính Phủ Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Và Chính Phủ Nước Cộng Hoà Singapore (1992)

Hiệp Định khuyến khích và bảo hộ đầu tư Giữa Chính Phủ Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Và Chính Phủ Nước Cộng Hoà Singapore (1992)

Hiệp định tránh đánh thuế hai lần Việt Nam – Singapore (1994)

Hiệp định Kết nối Kinh tế Việt Nam-Singapore (2005)

#### **8.4. Tiềm năng thị trường**

Singapore là một trong những nền kinh tế thị trường mở cửa tự do nhất thế giới, là nước đứng thứ ba trên thế giới về thu nhập bình quân đầu người (61.567,28 USD người/năm). Với vị trí thuận lợi cùng môi trường pháp lý minh bạch, bộ máy chính quyền thân thiện và kiên tạo, hệ thống ngân hàng phát triển, hệ thống cảng biển hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng và có năng suất lao động cao, vì vậy Singapore luôn là điểm đến hấp dẫn của các tập đoàn đa quốc gia và các doanh nghiệp từ khắp nơi trên thế giới, trong đó có các doanh nghiệp Việt Nam.

Do sản xuất trong nước chỉ đáp ứng một phần rất nhỏ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của thị trường nội địa và nhu cầu tái xuất, thậm chí nhiều mặt hàng phải nhập khẩu hoàn toàn, nên các chính sách thương mại của Singapore đều hướng vào việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập khẩu. Mặc dù yêu cầu về chất lượng đối với hàng nhập khẩu vào Singapore khá cao nhưng cho đến nay chưa thấy có những nút thắt về mặt chính sách nhập khẩu của Singapore đối với riêng hàng hóa của Việt Nam. Định hướng lâu dài của Singapore là tập trung phát triển lĩnh vực công nghệ cao và công nghiệp sáng tạo. Những sản phẩm, những ngành mà Singapore hướng tới nói chung đều chưa phải là những sản phẩm, ngành mà hiện tại Việt Nam có thể mạnh xuất khẩu hoặc có khả năng phát triển xuất khẩu trong tương lai gần. Kinh tế Singapore đang trong quá trình phục hồi nên nhu cầu nhập khẩu của Singapore sẽ tăng cao. Nếu có khả năng đáp ứng về chất lượng, nguồn cung và sản lượng ổn định; mức giá cạnh tranh; marketing có hiệu quả, Singapore vẫn là thị trường tiềm năng đối với các lĩnh vực mặt hàng xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam như:

– Nhóm nông thủy sản: rau quả (chanh leo, quả bơ, dứa, dưa hoàng kim, dưa xiêm, xoài giống Úc, hồng xiêm), hạt điều, cao su, nông sản chế biến.

– Nhóm nhiên liệu và khoáng sản: than đá

– Nhóm công nghiệp chế biến: sữa, bánh kẹo, hóa chất, chất dẻo (nhựa), sản phẩm gỗ, dây điện, đồ chơi, dụng cụ thể thao.

Đối với lĩnh vực hợp tác đầu tư công nghiệp và năng lượng, các doanh nghiệp Việt Nam có thể khai thác thế mạnh của Singapore để hợp tác trong các lĩnh vực như: điện gió và điện mặt trời, xử lý rác thải thành năng lượng (WTE); công nghệ lưới điện thông minh, công nghệ tiết kiệm năng lượng và xử lý nước sạch; công nghiệp lọc hóa dầu; công nghiệp logistics cảng biển, công nghệ gia công chế biến hàng nông sản, thủy sản, v.v.

## 9. Thị trường Hồng Kông

### 9.1. Các thông tin cơ bản

**Tên chính thức:** Đặc khu hành chính Hồng Kông, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

**Diện tích:** 1.104 km<sup>2</sup> (đất liền: 1.054km<sup>2</sup>, mặt nước: 50km<sup>2</sup>)

**Dân số:** 7,392 triệu người (2017)

**Ngôn ngữ chính:** tiếng Quảng Đông, ngoài ra tiếng Anh và tiếng Quan Thoại cũng được sử dụng rộng rãi

**Tôn giáo:** Phật giáo (82,8%), Thiên chúa giáo (11,1%), Hồi giáo (4,1%), Ấn Độ giáo (1,3%) và đạo Sikh (0,2%)

**Đơn vị tiền tệ:** HongKong Dollar (HKD), 1 USD = 7,83 HKD (tháng 11/2018)

**Múi giờ:** năm tại Trung Quốc, múi giờ GMT +8 (lệch 1 tiếng so với Việt Nam)

**Biên giới:** bán đảo Hồng Kông nằm ở địa đầu Đông Nam Trung Quốc, giáp với tỉnh Quảng Đông về phía Bắc và nhìn ra Biển Nam Trung Hoa ở phía Đông, Tây và Nam.

**Đặc điểm tự nhiên:** Hồng Kông bao gồm một tập hợp 262 hòn đảo ở Biển Đông, trong đó Đại Nhĩ Sơn là đảo lớn nhất. Đảo Hồng Kông là đảo lớn thứ hai và đông dân nhất. Áp Lợi Châu là một trong các đảo có mật độ dân số cao nhất thế giới.

**Thể chế chính trị:** Hồng Kông từng là một lãnh thổ phụ thuộc của Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland từ năm 1842 đến khi chuyển giao chủ quyền cho Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 1997. Dưới chính sách một quốc gia, hai chế độ, Chính quyền Nhân dân Trung ương chịu trách nhiệm về mặt quốc phòng và ngoại giao của lãnh thổ này còn Hồng Kông thì duy trì hệ thống pháp luật, lực lượng cảnh sát, chế độ tiền tệ, chính sách hải quan, chính sách nhập cư của Anh, và các đại biểu trong các tổ chức và sự kiện quốc tế. Theo thể chế người đứng đầu chính quyền Đặc khu là người được bầu chọn bởi Ủy ban Bầu cử Trưởng Đặc khu bao gồm 800 thành viên. Tất cả các viên chức khác của chính quyền Đặc khu, bao gồm các thành viên của các cơ quan hành pháp và lập pháp đều hoặc là được Trưởng Đặc khu bổ nhiệm (trực tiếp hay ủy nhiệm) hoặc được cử tri bầu ra.

**Ngày nghỉ, lễ tết:** tết Dương lịch, tết Âm lịch, lễ Tạ ơn, tiết Thanh Minh, Quốc tế Lao động, lễ Phật Đản, lễ hội Thuyền Rồng, ngày kỉ niệm thành lập đặc khu, Trung thu, Quốc khánh (1/10), lễ Chung Yeung, Giáng sinh

## 9.2. Tình hình kinh tế

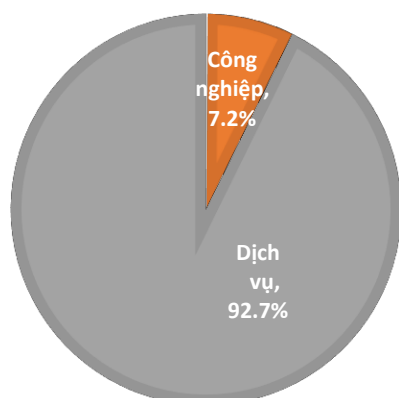
Kinh tế Hồng Kông là một nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển được xây dựng trên nền kinh tế thị trường, thuế thấp và ít có sự can thiệp kinh tế của chính phủ. Đây là một trung tâm tài chính, thương mại quan trọng và là nơi tập trung nhiều đại bản doanh công ty của khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Nếu tính về GDP bình quân đầu người và tổng sản phẩm nội địa, Hồng Kông là trung tâm đô thị giàu nhất ở Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Kinh tế Hồng Kông được đánh giá là nền kinh tế tự do nhất trên thế giới, theo định hướng dịch vụ (đóng góp hơn 90% GDP), với 4 trụ cột: Thương mại, Logistics (23,4 %); du lịch (5,1%); dịch vụ tài chính (16,6%); các dịch vụ nghề nghiệp và dịch vụ sản xuất khác (12,4 %). Với chính sách tự do hóa thương mại và mở cửa, Hồng Kông trở thành một trong những trung tâm thương mại và tài chính quốc tế hàng đầu, cửa ngõ chiến lược quan trọng cho đầu tư, kinh doanh. Kinh tế Hồng Kông trong những tháng đầu năm 2018 tăng trưởng mạnh mẽ nhờ sự phục hồi xuất khẩu và tăng trưởng đầu tư cố định, các chỉ số hoạt động sản xuất, xuất-nhập khẩu, niềm tin kinh doanh, tỷ lệ thất nghiệp... đều đạt mức khả quan với tổng sản phẩm quốc nội 3 tháng đầu năm đạt 83,6 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 4,7% so với cùng kỳ năm 2017, tỷ lệ thất nghiệp 2,8%, CPI là 2,3%.

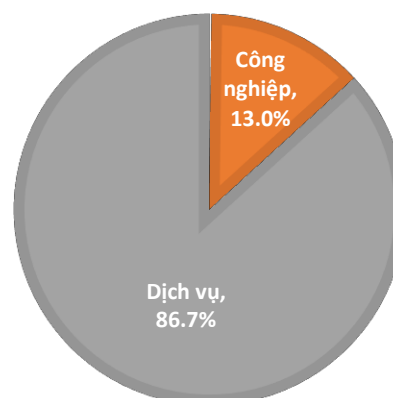
Nền kinh tế tự do của Hồng Kông phụ thuộc nhiều vào thương mại và tài chính quốc tế - giá trị hàng hóa và dịch vụ thương mại bao gồm cả số lượng khá lớn hàng tái xuất gấp khoảng 4 lần GDP. Hồng Kông không đánh thuế hàng nhập khẩu và chỉ áp dụng thuế thu nhập đặc biệt đối với 4 mặt hàng tiêu dùng cho dù là được nhập khẩu hay sản xuất tại địa phương là: rượu mạnh, thuốc lá, dầu hydrocarbon và rượu methyl. Bên cạnh đó, Hồng Kông cũng không áp dụng hạn ngạch (quotas) hay luật bán phá giá. Tài nguyên thiên nhiên của Hồng Kông rất hạn chế nên thực phẩm và nguyên liệu thô đều phải nhập khẩu.

Về tiền tệ, Hồng Kông vẫn duy trì thỏa thuận đã được thiết lập từ năm 1983 là tiếp tục liên kết chặt chẽ tiền tệ của mình với đồng USD. Năm 2013, Hồng Kông và Trung Quốc đã ký những thỏa thuận mới theo Hiệp định đối tác kinh tế chặt chẽ hơn đã được thông qua năm 2013 để tiến tới mối quan hệ gần gũi hơn giữa Hồng Kông và đại lục. Các biện pháp mới có hiệu lực từ tháng 1 năm 2014, bao gồm các dịch vụ và các điều khoản thuận lợi hóa thương mại, bên cạnh đó cũng sẽ cải thiện con đường tiếp cận khu vực dịch vụ của đại lục cho các công ty tại Hồng Kông.

**Hình 19: Cơ cấu GDP theo ngành của Hồng Kông năm 2017**



**Hình 20: Phân bố lao động theo ngành của Hồng Kông năm 2017**



Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

**Bảng 9: Tổng quan kinh tế Hồng Kông giai đoạn 2015-2017**

	2015	2016	2017
<b>GDP</b>	435 tỷ USD	445.4 tỷ USD	454,9 tỷ USD
<b>Tăng trưởng GDP</b>	2.4%	2.1%	3.8%
<b>GDP theo đầu người</b>	59.500 USD	60.400 USD	61.400 USD
<b>Tỷ lệ lạm phát</b>	2,9%	3.4%	3.1%
<b>Sản phẩm nông nghiệp</b>	Rau tươi và hoa quả, gia cầm, thịt lợn, cá		
<b>Công nghiệp</b>	Dệt may, thời trang, du lịch, ngân hàng, vận chuyển, điện tử, nhựa, đồ chơi, đồng hồ đeo tay, đồng hồ		
<b>Kim ngạch nhập khẩu</b>	499,4 tỷ USD	460 tỷ USD	496,9 tỷ USD
<b>Mặt hàng nhập khẩu chính</b>	Máy móc và thiết bị điện, dệt, thêu, giày dép, đồng hồ đeo tay, đồng hồ, đồ chơi, nhựa, đá quý, vật liệu in		
<b>Đối tác nhập khẩu 2017</b>	Trung Quốc (51%); Mỹ (7,2%); Ấn Độ (3,6%); Nhật Bản (2,8%); Thái Lan (2,3%); Thụy Sĩ (1,9%); Singapore (1,9%); Việt Nam (1,7%); Đức (1,6%); Anh (1,6%)		
<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	524,3 tỷ USD	513,9 tỷ USD	558,6 tỷ USD



<b>Mặt hàng xuất khẩu chính</b>	Nguyên liệu thô và bán thành phẩm, hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, thực phẩm, nhiên liệu
<b>Đối tác xuất khẩu 2017</b>	Trung Quốc (48%); Singapore (6,9%); Nhật Bản (6,5%); Hàn Quốc (5,9%); Mỹ (5,6%); Thụy Sĩ (2,8%); Malaysia (2,7%); Ấn Độ (2,5%); Thái Lan (2,1%), Phillipines (2%)

Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

### **4.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam**

Vấn đề quan hệ ngoại giao của Hồng Kông với Việt Nam do chính quyền Trung ương Trung Quốc quyết định, phụ thuộc vào quan hệ song phương Việt – Trung. Ngoài ra, do Hồng Kông là thành viên của APEC nên quan hệ giữa Việt Nam và Hồng Kông còn là quan hệ giữa 2 thành viên APEC.

Với quy chế “Một quốc gia hai chế độ”, Hồng Kông độc lập tương đối trong thúc đẩy quan hệ kinh tế – thương mại với các nước, trong đó có Việt Nam. Quan hệ Việt Nam – Hồng Kông thời gian qua tiếp tục phát triển tốt đẹp cả về song phương và đa phương (cùng là thành viên APEC, WTO), theo đà phát triển của quan hệ chung Việt Nam – Trung Quốc.

Trong hợp tác kinh tế, thương mại Việt Nam và Hồng Kông đã ký có các văn bản, thỏa thuận hợp tác quan trọng gồm:

- Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đánh vào thu nhập ký tháng 12/2008 và có hiệu lực từ 01/01/2010.

- Thỏa thuận về Xúc tiến thương mại ký tháng 4/2009, nhằm tăng cường hỗ trợ và phát triển giao thương, hợp tác đầu tư giữa các doanh nghiệp thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư; tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin về thị trường, các chính sách kinh tế, thương mại có tác động tới quan hệ giao thương của cộng đồng doanh nghiệp.

- Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Hồng Kông đã chính thức được ký kết, cùng với đó là Hiệp định đầu tư ASEAN – Hồng Kông.

### **9.4. Tiềm năng thị trường**

#### ***Thuận lợi***

Hồng Kông là một thị trường tự do, thể hiện ở mức thuế 0% với hầu hết các mặt hàng xuất nhập khẩu; có hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển, với sân bay bận rộn nhất thế giới về vận chuyển hành khách và hàng hóa và một trong 5 cảng container bận rộn nhất thế

giới; hệ thống dịch vụ thương mại, bán buôn, bán lẻ rất phát triển. Với vị trí là trung tâm tài chính, thương mại, trung chuyển hàng hoá cho cả khu vực và thế giới, tập trung nhiều văn phòng, chi nhánh của hầu hết các tập đoàn lớn trên thế giới về mua bán, phân phối hàng hoá, rất thuận tiện cho các giao dịch. Nơi đây cũng thường xuyên tổ chức các hội chợ, hội thảo, sự kiện quốc tế lớn về kinh tế, tài chính, ngân hàng...

Thị trường Hồng Kông gắn kết chặt chẽ với thị trường Trung Quốc đại lục, qua đó hàng hóa của các nước có thêm cơ hội để tiếp cận/thâm nhập thị trường rộng lớn một cách trực tiếp hoặc thông qua các nhà xuất nhập khẩu trung gian Hồng Kông, tranh thủ Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện (CEPA) ký giữa Trung Quốc đại lục và Hồng Kông năm 2003 với nhiều ưu đãi.

Trong số các nhóm hàng Việt Nam xuất khẩu sang Hồng Kông, ngoài những mặt hàng Hồng Kông có nhu cầu nhập khẩu cao như máy móc phụ tùng, điện thoại và linh kiện, máy vi tính..., nhóm hàng công nghiệp chế biến mà Việt Nam có thế mạnh như dệt may, nguyên phụ liệu dệt may, giày dép, túi xách, vali, ô dù cũng có triển vọng xuất khẩu khả quan sang thị trường này. Về dài hạn, nhóm hàng này của Việt Nam có cơ hội tăng xuất khẩu bởi số lượng doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế Hồng Kông đầu tư vào những lĩnh vực này của Việt Nam đang tăng.

Trong bối cảnh đầu tư vào Trung Quốc đại lục đang dần bão hòa, giá lao động không còn cạnh tranh, để tranh thủ những cơ hội mang lại từ Sáng kiến “Vành đai, Con đường”, việc ký kết Hiệp định Thương mại tự do Hồng Kông – ASEAN và để phát huy hơn nữa vai trò, vị thế của mình, Hồng Kông đang có xu hướng dịch chuyển dần một phần dòng vốn đầu tư ra bên ngoài, đặc biệt quan tâm tới khu vực Đông Nam Á. Việt Nam có thể tranh thủ cơ hội này, hoan nghênh và khuyến khích các doanh nghiệp Hồng Kông tích cực thúc đẩy hợp tác đôi bên cùng có lợi, thực hiện đầu tư vào các dự án quy mô lớn, mang tính chất lâu dài, như về kết cấu hạ tầng, nhà ở; mở rộng hợp tác trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng; đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực văn hóa, du lịch, đào tạo nguồn nhân lực...

### ***Khó khăn***

Với dân số 7,4 triệu người, dung lượng thị trường Hồng Kông không còn lớn, nhất là đối với các mặt hàng nông lâm thủy sản, thực phẩm, chủ yếu là để trung chuyển hàng hóa ra khu vực và thế giới.

Hồng Kông là một thị trường đòi hỏi cao, tiếp tục thắt chặt việc kiểm soát chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Để thâm nhập sâu vào thị trường này, nhiều mặt hàng thực phẩm của Việt Nam như hải sản, lợn sữa, hoa quả tươi... cần chú trọng nâng cao chất lượng, đáp ứng

tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh thực phẩm. Ngoài ra, hàng hóa của các nước cũng vấp phải cạnh tranh mạnh mẽ với hàng hóa Trung Quốc.

## 10. Thị trường Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE)

### 10.1. Các thông tin cơ bản

**Tên chính thức:** Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, **Thủ đô:** Abu Dhabi

**Diện tích:** 83.600 km<sup>2</sup>, đứng thứ 114 thế giới về diện tích đất liền

**Dân số:** 9,4 triệu người (2017)

**Ngôn ngữ chính:** tiếng Ả Rập. Tiếng Anh được sử dụng rộng rãi như ngôn ngữ thương mại. Ngoài ra còn có các ngôn ngữ khác như tiếng Ba Tư, Hindi, Urdu (được sử dụng chủ yếu bởi những người dân nhập cư đến)

**Tôn giáo:** Hồi giáo (76%), Thiên chúa giáo (9%) và các tôn giáo khác (15%)

**Đơn vị tiền tệ:** Dirhams (AED), 1 USD = 3,67 AED (tháng 11/2018)

**Múi giờ:** nằm tại Trung Đông, múi giờ GMT +4 (lệch 3 tiếng so với Việt Nam)

**Biên giới:** Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất nằm tại Trung Đông, giáp với vịnh Oman và vịnh Ba Tư, nằm giữa Oman và Ả Rập Xê Út; đây là một vị trí chiến lược nằm sát phía nam của eo biển Hormuz, điểm trung chuyển trọng yếu với dầu thô thế giới

**Đặc điểm tự nhiên:** Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất có khí hậu cận nhiệt đới khô hạn với mùa hè nóng và mùa đông ấm. Các tháng nóng nhất là tháng 7 và tháng 8, khi nhiệt độ cao nhất trung bình đạt trên 45 °C tại đồng bằng duyên hải.

**Thể chế chính trị:** Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất là một liên bang của các chế độ quân chủ chuyên chế thế tập gồm 7 tiểu vương quốc

**Ngày nghỉ, lễ tết:** tết Dương lịch, các ngày lễ của Hồi giáo (lễ Ramadan, lễ Eid Al-Adha, ngày sinh của nhà tiên tri Muharram...) có thể lên tới 13 ngày; Quốc khánh (2/12).

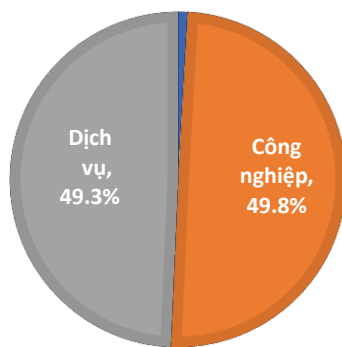
### 10.2. Tình hình kinh tế

UAE là một trong những nền kinh tế lớn nhất ở khu vực Trung Đông, và đứng thứ 17 trong 61 nền kinh tế có tính cạnh tranh cao nhất thế giới, ngành hàng không lớn thứ 8 thế giới, ngành du lịch đứng thứ 2 trong khu vực, thặng dư thương mại hằng năm luôn ở mức cao. UAE là liên bang của bảy tiểu vương quốc Ả Rập.

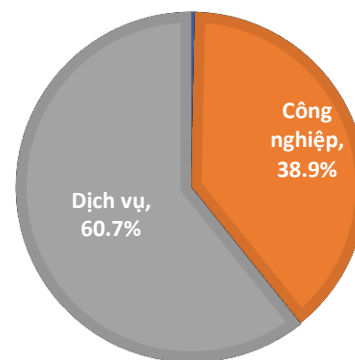
Từ sau khi UAE gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 1995, tốc độ tăng trưởng của nước này tương đối cao. UAE là nền kinh tế thị trường tự do về lao động

và hàng hóa. Nguyên tắc tự do và tình hình chính trị ổn định chính là 2 yếu tố hàng chủ yếu giúp UAE đạt được thành tựu như ngày nay. Mặc dù UAE đã đưa ra nhiều nỗ lực đa dạng hóa ngành nghề, tuy nhiên, gần 40% GDP của UAE vẫn đến từ dầu mỏ. Do đó, ưu tiên hàng đầu của UAE đang là giảm phụ thuộc vào dầu mỏ và lao động có trình độ người nước ngoài. Giá dầu giảm trong những năm gần đây đã thúc đẩy UAE cắt giảm chi tiêu, bao gồm cả một số phúc lợi xã hội, tăng đầu tư vào thương mại và du lịch, phát triển công nghiệp và tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người dân bản địa thông qua cải tiến giáo dục và tăng việc làm trong khu vực tư nhân.

**Hình 21: Cơ cấu GDP theo ngành của UAE năm 2017**



**Hình 22: Phân bố lao động theo ngành của UAE năm 2017**



Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

**Bảng 10: Tổng quan kinh tế UAE giai đoạn 2015-2017**

	2015	2016	2017
<b>GDP</b>	641,9 tỷ USD	682,8 tỷ USD	691,9 tỷ USD
<b>Tăng trưởng GDP</b>	3%	3%	1,3%
<b>GDP theo đầu người</b>	67.000 USD	69.300 USD	68.200 USD
<b>Tỷ lệ lạm phát</b>	3,7%	1,8%	2,1%
<b>Sản phẩm nông nghiệp</b>	Quả chà là, rau củ, dưa hấu, gia cầm, các sản phẩm sữa		
<b>Công nghiệp</b>	Đầu và hóa dầu, khai thác thủy sản, nhôm, xi măng, phân bón, sửa chữa tàu thương mại, vật liệu xây dựng, đóng tàu, thủ công mỹ nghệ, dệt may		
<b>Kim ngạch nhập khẩu</b>	323,8 tỷ USD	298,6 tỷ USD	314,7 tỷ USD

<b>Mặt hàng nhập khẩu chính</b>	Thiết bị máy móc và giao thông, thực phẩm, hóa chất		
<b>Đối tác nhập khẩu 2016</b>	Trung Quốc (7,4%), Mỹ (6,9%), Ấn Độ (6,8%), Đức (4,4%)		
<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	248,2 tỷ USD	230,3 tỷ USD	241,3 tỷ USD
<b>Mặt hàng xuất khẩu chính</b>	Dầu thô, khí đốt tự nhiên, cá khô, chà là		
<b>Đối tác xuất khẩu 2016</b>	Ấn Độ (9,9%), Iran (8,9%), Nhật Bản (8,8%), Thụy Sĩ (8,5%), Oman (5,4%), Trung Quốc (5,1%)		

Nguồn: Index Mundi và Global EDGE

### 10.3. Quan hệ ngoại giao với Việt Nam

- **Quan hệ chính trị:** Ngày 1/8/1993 Việt Nam và UAE lập quan hệ ngoại giao. Tháng 10/1997, ta mở Tổng Lãnh sự quán tại Dubai; tháng 2/2008 nâng cấp lên thành Đại sứ quán tại A-bu Đa-bi. Tháng 7/2004, ta mở Trung tâm thương mại Việt Nam tại Dubai, đóng cửa năm 2008. Tháng 11/2008, Ban mở Đại sứ quán tại Hà Nội.

- **Quan hệ thương mại:** Hiện UAE đã trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ 7 của Việt Nam sau Mỹ, Trung Quốc, Hồng Kong, Nhật Bản, Hàn Quốc và Đức. Các mặt hàng xuất khẩu chính của ta sang UAE gồm điện thoại di động, máy vi tính và linh kiện, sản phẩm điện, điện tử gia dụng, hạt tiêu, thủy sản, giày dép, dệt may, vải, ngọc trai, đá quý, hạt điều, gạo, chè, sản phẩm ngũ cốc, sản phẩm nhựa, đồ gỗ nội thất, giấy, trái cây, rau, thuốc lá... Các mặt hàng nhập khẩu chính của ta từ UAE gồm nguyên liệu nhựa, khí hóa lỏng LPG, chế phẩm từ dầu mỏ, nguyên liệu thức ăn gia súc, kim loại thường, hóa chất,...

- **Hợp tác đầu tư:** UAE là một trong những nhà đầu tư lớn từ khu vực vùng Vịnh tại Việt Nam với các dự án như Cảng Hiệp Phước, khách sạn Halong Star và một số dự án du lịch ở Đà Nẵng... với tổng số vốn đầu tư cam kết ước đạt 4 tỷ USD. Tình hình hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp và đầu tư với Việt Nam đang được đẩy mạnh và có tiềm năng rất lớn trong tương lai. Các Tập đoàn lớn của UAE trong lĩnh vực xăng dầu như Mubadala Petroleum, Tổng Công ty xăng dầu Quốc gia Abu Dhabi (Adnoc)... đều tiếp tục duy trì và mong muốn đẩy mạnh hợp tác và đầu tư tại Việt Nam trong lĩnh vực thăm dò, sản xuất dầu khí trong bối cảnh giá dầu giảm mạnh.

Bên cạnh đó, Dubal Holding – Tổng Công ty Nhôm Dubai cũng đã cho thấy sự quan tâm lớn đến hợp tác trong lĩnh vực khai thác bôxít, luyện nhôm, tinh luyện nhôm, nhà máy điện, và đào tạo kỹ thuật viên, kỹ sư với Việt Nam.

Qua trao đổi và làm việc, ngày càng nhiều các doanh nghiệp, tập đoàn của UAE mong muốn được hợp tác, đầu tư và liên doanh, thậm chí mua lại các dự án trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, gồm năng lượng gió và năng lượng mặt trời tại Việt Nam.

- **Hợp tác về giao thông, vận tải và lao động:** Tháng 6/2012, Hãng hàng không Emirates Airlines đã khai trương đường bay Dubai – Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 7/2017 Emirates khai trương đường bay Dubai – Hà Nội, đưa tổng số chuyến bay của Emirates Airlines vào VN lên tới 21 chuyến/tuần; Tháng 2/2013, Hãng hàng không Etihad của UAE đã khai trương đường bay Abu Dhabi – Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện ta có hơn 5.000 lao động đang làm việc tại UAE

**- Các Hiệp định, thỏa thuận đã ký kết**

1. Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế, Khoa học Kỹ thuật và Thương mại (10/1999)
2. Hiệp định về vận chuyển hàng không (5/2001)
3. Biên bản ghi nhớ về hợp tác phát triển công nghiệp (9/2007)
4. Biên bản ghi nhớ về hợp tác giữa phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam và phòng thương mại và công nghiệp Dubai (9/2007)
5. Biên bản ghi nhớ giữa Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Ủy ban chứng khoán và hàng hóa Emirates về hỗ trợ và hợp tác song phương (9/2007)
6. Biên bản ghi nhớ về hợp tác giữa Tổng cục tiêu chuẩn và đo lường Việt Nam và Tổng cục tiêu chuẩn và đo lường UAE (9/2007)
7. Biên bản ghi nhớ về Dự án Đặc khu kinh tế tại Phú Yên (10/2008)
8. Hiệp định Khuyến khích và bảo hộ đầu tư (02/2009)
9. Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần (2/2009)
10. Hiệp định về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ/ hộ chiếu đặc biệt (10/2010).
11. Thoả thuận thành lập Ủy ban liên Chính phủ,
12. Thoả thuận hợp tác lao động,
13. Thoả thuận hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao,
14. Thoả thuận hợp tác giữa hai phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam và Abu Dhabi.

#### **10.4. Tiềm năng thị trường**

##### ***Hàng nông sản (Rau quả tươi, gạo, hạt tiêu, cà phê...)***

Đây là mặt hàng UAE có nhu cầu nhập khẩu lớn do điều kiện khí hậu không thuận lợi cho trồng trọt. Các mặt hàng rau quả có khả năng đẩy mạnh gồm thanh long, chôm chôm, nhãn, vải, măng cụt, hồng xiêm đang được bán tại các siêu thị với giá tốt.

Bên cạnh đó, các mặt hàng nông sản truyền thống có thế mạnh của Việt Nam như gạo (jasmine), hạt tiêu (tiêu đen), cà phê... đã dần dần tìm được chỗ đứng tại thị trường UAE nói riêng cũng như việc tái xuất sang các thị trường lân cận, bao gồm các nước Trung Đông khác và khu vực Bắc Phi.

Thương vụ hiện đang tập trung làm việc với các siêu thị tại UAE để đưa hoa quả, hàng nông sản vào hệ thống bán hàng. Hàng hoá Việt Nam cũng được đánh giá cao bởi người tiêu dùng UAE về giá cả, chất lượng.

##### ***Mặt hàng thủy hải sản.***

Mặt hàng thủy sản Việt Nam bước đầu đã có chỗ đứng tại thị trường UAE, đặc biệt là mặt hàng cá da trơn. Tuy nhiên, việc xuất khẩu mặt hàng này cũng như nhiều và thường xuyên. Có hiện tượng lừa đảo khi một số doanh nghiệp trong nước khi xuất hàng sang chất lượng sản phẩm chưa được đúng như cam kết. Tuy nhiên, đây vẫn là mặt hàng được đánh giá là tiềm năng của Việt Nam do nhu cầu tiêu thụ cá của BẠN là rất lớn.

##### ***Vật liệu xây dựng***

Trong những năm tới, đây sẽ là nhóm hàng có mức tăng trưởng tốt do nhu cầu phục vụ các dự án xây dựng. Nhu cầu xây dựng tại UAE đang ngày càng tăng cao. Số lượng dự án tại UAE chiếm khoảng 30% tổng số các dự án đang được triển khai tại Trung Đông. Nhiều khoản đầu tư lớn được dành cho các dự án cơ sở hạ tầng, bất động sản, du lịch và giải trí, chủ yếu tại hai Tiểu vương quốc Abu Dhabi và Dubai. Hơn nữa, Dubai đã giành được quyền đăng cai sự kiện thương mại lớn nhất thế giới Dubai Expo 2020 với mức đầu tư hạ tầng 7 tỷ USD sẽ góp phần đưa thị trường xây dựng bùng nổ trở lại trong những năm tiếp theo. Nhóm hàng vật liệu xây dựng của Việt Nam bước đầu đã có chỗ đứng tại thị trường.